

Số: 596 /NASCO-CBTT

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Trụ sở chính: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024. 38840085;

Fax: 024. 38865555

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Việt Phương

Địa chỉ: Số 84 Quán Sứ, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (di động, cơ quan, fax):

Di động: 0912899899;

CQ: 024. 38840668;

Fax: 024. 38865555

Loại công bố thông tin: Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài công bố thông tin về: “Báo cáo thường niên cho năm 2018”.

(Có Báo cáo gửi kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BTK

Người công bố thông tin  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3884 0085 Fax: 024. 3886 5555

Website: [www.nasco.com.vn](http://www.nasco.com.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

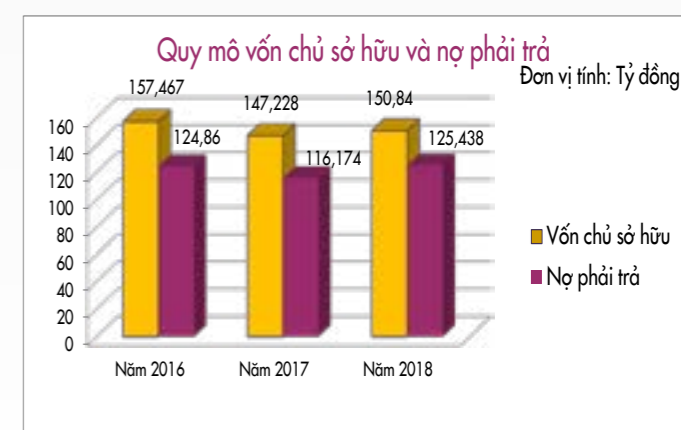
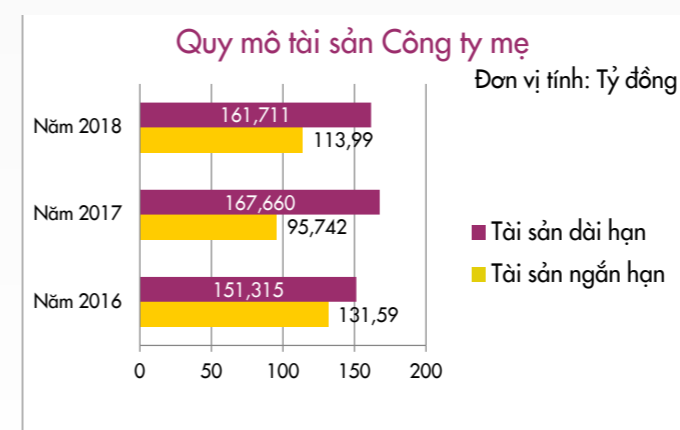
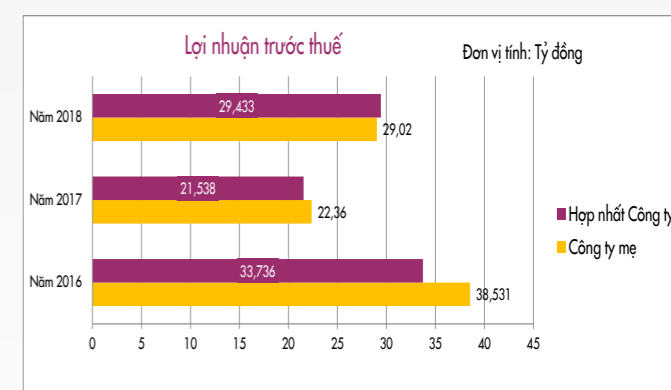
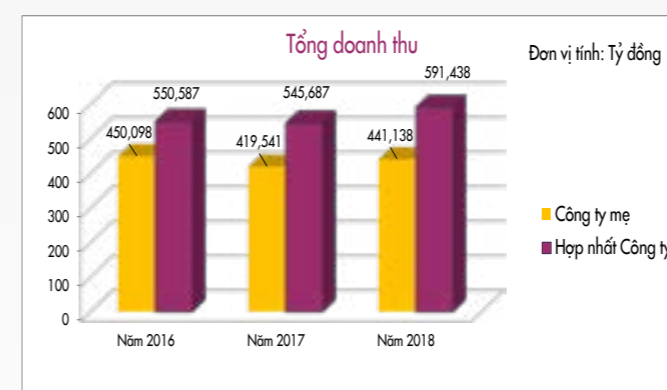
## MỤC LỤC

	Một số chỉ tiêu tài chính	03
	Thông điệp của Ban Tổng giám đốc	04
	Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	05
<b>A</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>06</b>
	A1. Thông tin khái quát	07
	A2. Quá trình hình thành và phát triển	08
	A3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
	A4. Mô hình quản trị	12
	A5. Vị thế	18
	A6. Định hướng phát triển	20
	A7. Các rủi ro	22
<b>B</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018</b>	<b>24</b>
	B1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	26
	B2. Tổ chức và nhân sự	28
	B3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	33
	B4. Tình hình tài chính	34
	B5. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	37
<b>C</b>	<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>38</b>
	C1. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	40
	C2. Tình hình tài chính	46
	C3. Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý	48
	C4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	49
<b>D</b>	<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>50</b>
	D1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	52
	D2. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý	53
	D3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	56
	D4. Báo cáo hoạt động của công ty con	58
<b>E</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>60</b>
	E1. Hội đồng quản trị	62
	E2. Ban kiểm soát	64
	E3. Giao dịch và thu lao của Ban lãnh đạo	65
<b>F</b>	<b>PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	<b>66</b>
	F1. Những tác động liên quan đến môi trường	68
	F2. Những tác động liên quan đến cộng đồng	69
<b>G</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>74</b>
	G1. Ý kiến của đơn vị kiểm toán	79
	G2. Bảng cân đối kế toán	81
	G3. Báo cáo kết quả kinh doanh	83
	G4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	84
	G5. Thuyết minh Báo cáo tài chính	86

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ 2017-2018				
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	263,40	275,70	4,67%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	399,55	422,94	5,85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	22,26	29,27	31,53%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(0,25)	0,10	-141,53%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	29,02	22,36	-22,95%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,34	26,32	23,34%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2017-2018				
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	330,36	341,62	3,41%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	525,85	573,09	8,98%
GVHB	Tỷ đồng	299,07	314,15	5,04%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	226,58	258,94	14,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	21,41	29,76	39,00%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,13	(0,32)	-345,17%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,54	29,43	36,65%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,48	26,46	29,19%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Tỷ đồng	0,00	0,00	37,98%





# THÔNGIỆP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Tổng quan về bức tranh nền kinh tế thế giới năm 2018 có thể thấy: Tăng trưởng tích cực và cho thấy dấu hiệu hồi phục ở một số ngành: , chiến tranh thương mại Mỹ- Trung kéo dài gây ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động xuất, nhập khẩu.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2018 tiếp tục giữ đà tăng trưởng cao Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2018 đạt mức kỷ lục, ước đạt 7,08%, cao nhất trong 10 năm qua và cũng cao hơn mọi dự báo. Các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và lĩnh vực dịch vụ; nông, lâm thủy sản tăng trưởng tốt, là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế năm 2018. Tổng cầu của nền kinh tế duy trì mức tăng khá, xuất khẩu và tiêu dùng tăng cao hơn cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa tăng 10%, vận tải hành khách tăng 11,3% so với năm 2017. Vận tải hàng hóa quý IV/2018 ước tính đạt 423,3 triệu tấn, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước và 80 tỷ tấn.km, tăng 7,1%. Vận tải bằng đường hàng không tăng khá, đạt 48,9 triệu lượt khách, tăng 11,2% và 55,6 tỷ lượt khách.km, tăng 11,6%. Lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài nói chung duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao so với cùng kỳ năm trước. Năm 2018 tốc độ tăng trưởng hành khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài tăng 8,26% so với cùng kỳ năm 2017.

Với những khó khăn, thuận lợi của kinh tế Việt Nam nói chung và ngành vận tải, dịch vụ hàng không không nói riêng trong năm 2018, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận năm 2018 do Đại hội cổ đông giao, đạt 101,19% kế hoạch năm, tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 441,14 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 26,317 tỷ đồng, nộp Ngân sách nhà nước 2,703 tỷ đồng. Môi trường làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động được cải thiện. Ngoài ra, công ty vẫn thường xuyên thực hiện trách nhiệm với địa phương bằng nhiều việc làm ý nghĩa: chúc tết, thăm hỏi các hộ gia đình khó khăn; gia đình thương binh, liệt sĩ,...

Tiếp nối năm 2018, năm 2019, kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức mới.

- Kinh tế vĩ mô trong nước dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,8% so với năm 2018 (Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 24/5/2018 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 2019);

- Giá nhiên liệu 2018: có xu hướng tăng, dự kiến phương án giá nhiên liệu bay kế hoạch của VNA dao động quanh mức 90 USD/thùng – tăng 6,6% so ước thực hiện 2018;

- Lạm phát được dự báo ở quanh mức 4% theo mục tiêu của Chính phủ.

- Thị trường vận tải Hàng không trong nước năm 2019 sẽ tiếp tục tăng so với năm 2018 nhưng sự tăng trưởng chưa vững chắc, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Với những nhận định đó, công ty đặt ra kế hoạch: Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2019: 465,51 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến 31,54 tỷ đồng với mức chia cổ tức dự kiến là 23%/ Vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài cam kết tiếp tục phát huy lợi thế, năng lực hiện có, tận dụng mọi thời cơ cùng với sự nỗ lực quyết tâm vươn lên vượt qua mọi thách thức, cùng chung tay xây dựng Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho Quý cổ đông, khách hàng, chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên, người lao động và cam kết sử dụng hiệu quả tài nguyên, môi trường gắn với phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty. Xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể người lao động vì nỗ lực hết mình cho thành quả của Công ty trong thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VIỆT PHƯƠNG



## TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp cung cấp chất lượng dịch vụ sân bay hàng đầu cho các Hãng hàng không nội địa, quốc tế và khách hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.

## SỨ MỆNH

Không ngừng đầu tư phát triển và sử dụng hợp lý các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực; nguồn lực công nghệ.

Thường xuyên cải tiến và phát huy hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

Đảm bảo thỏa mãn đầy đủ những yêu cầu và mong đợi của khách hàng và các bên quan tâm, tăng cường hợp tác với các đối tác kinh doanh trong Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## TẬN TÂM – CHUYÊN NGHIỆP

NASCO luôn đặt lợi ích và mong muốn của khách hàng lên hàng đầu. Khách hàng chính là trung tâm, là động lực để công ty phát triển các sản phẩm – dịch vụ hoàn hảo nhất.

## CHẤT LƯỢNG

Các loại hàng hóa trong NASCO DUTY FREE SHOP đều được kiểm soát và giám sát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, phù hợp với các quy định Pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế. Các loại hàng tiêu dùng có chất lượng cao sản xuất tại Việt Nam và thế giới.

## HỢP TÁC - CHIA SẺ

TBC luôn lắng nghe, sẵn sàng hợp tác, chia sẻ và tích cực hành động vì lợi ích của khách hàng, của đối tác và của người lao động. Đây là giá trị phong cách làm việc của TBC.

## SÁNG TẠO – ĐA DẠNG

Công ty luôn tìm tòi, nghiên cứu để tìm hiểu nhu cầu thị trường mới, thích nghi và nâng cao tính cạnh tranh để tiếp tục gia tăng thị phần và nâng cao vị thế.



## A. THÔNG TIN CHUNG

### A1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### A2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### A3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### A4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### A5. VỊ THẾ

### A6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### A7. CÁC RỦI RO

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

- Giấy phép đăng kí kinh doanh: Số 0100108254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/04/2006 và thay đổi lần thứ 11 ngày 14/09/2018
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 83.157.640.000 đồng
- Điện thoại: 024. 3884 0085
- Fax: 024. 3886 5555
- Website: [www.nasco.com.vn](http://www.nasco.com.vn)
- Mã cổ phiếu: NAS (Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM)





## A2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



### Thành lập doanh nghiệp

Tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước mang tên Công ty Dịch vụ Cụm cảng Hàng không sân bay miền Bắc (tên giao dịch tiếng Anh là NORTHERN AIRPORT SERVICES COMPANY, viết tắt là NASCO) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động.

### Cổ phần hóa

Theo quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, NASCO được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (Tên giao dịch tiếng Anh là NOIBAI AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY, viết tắt là NASCO)

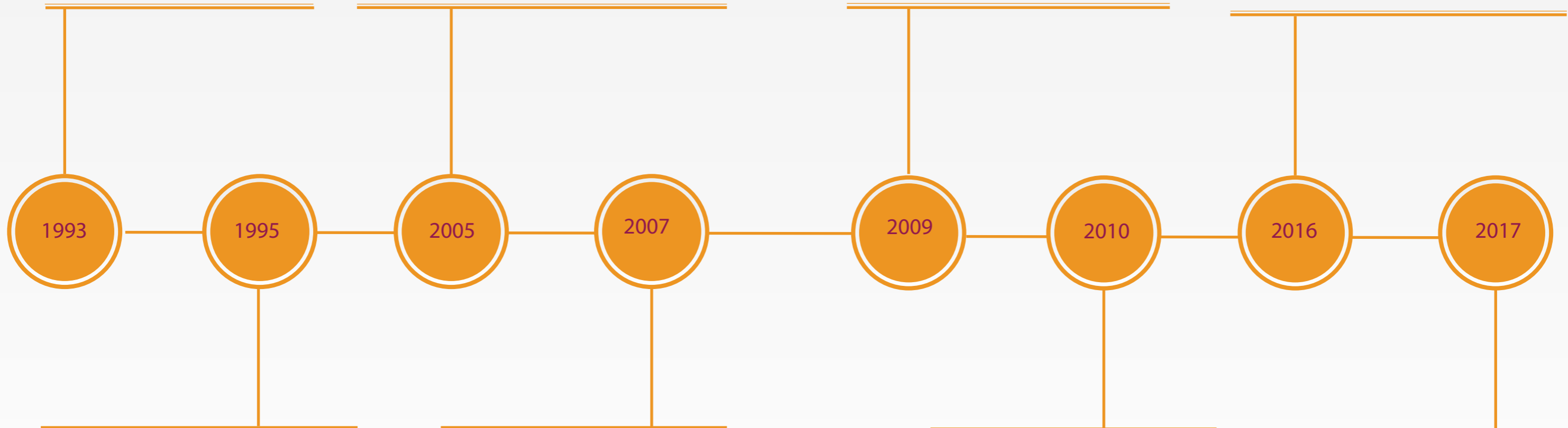
### Tăng vốn điều lệ

Tháng 07: Tăng vốn điều lệ lên 69.298.640.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Tháng 08: NASCO được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam kí quyết định trao tặng Huân chương lao động hạng nhì.

### Thành lập công ty con - công ty liên kết

NASCO tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần giao nhận hàng hóa NASCO là công ty con hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ-Con đối với NASCO và Công ty cổ phần Taxi NASCO là công ty liên kết.



### Hạch toán độc lập Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

Công ty được đổi tên thành Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NOIBAI AIRPORT SERVICES COMPANY – NASCO).

### Trở thành Công ty đại chúng

Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 49.500.000.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

### Tăng vốn điều lệ

Tăng vốn điều lệ lên 83.157.640.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

### Đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM

Ngày 25/01/2017, 8.315.764 cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM với giá tham chiếu 28.000 đồng/ cổ phiếu.



## A3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh



#### Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không

Vận chuyển hàng hóa, hành khách trong sân đỗ máy bay

Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa

Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế

Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố

Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh

Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không

Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không

***“NASCO đang là doanh nghiệp duy nhất tại sân bay Nội Bài kinh doanh dịch vụ phòng khách hạng thương gia có thiết kế và nội thất đạt tiêu chuẩn từ 4 sao trở lên.”***

### Địa bàn kinh doanh

Hiện tại Nasco hoạt động chủ yếu tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài với các sản phẩm dịch vụ như:

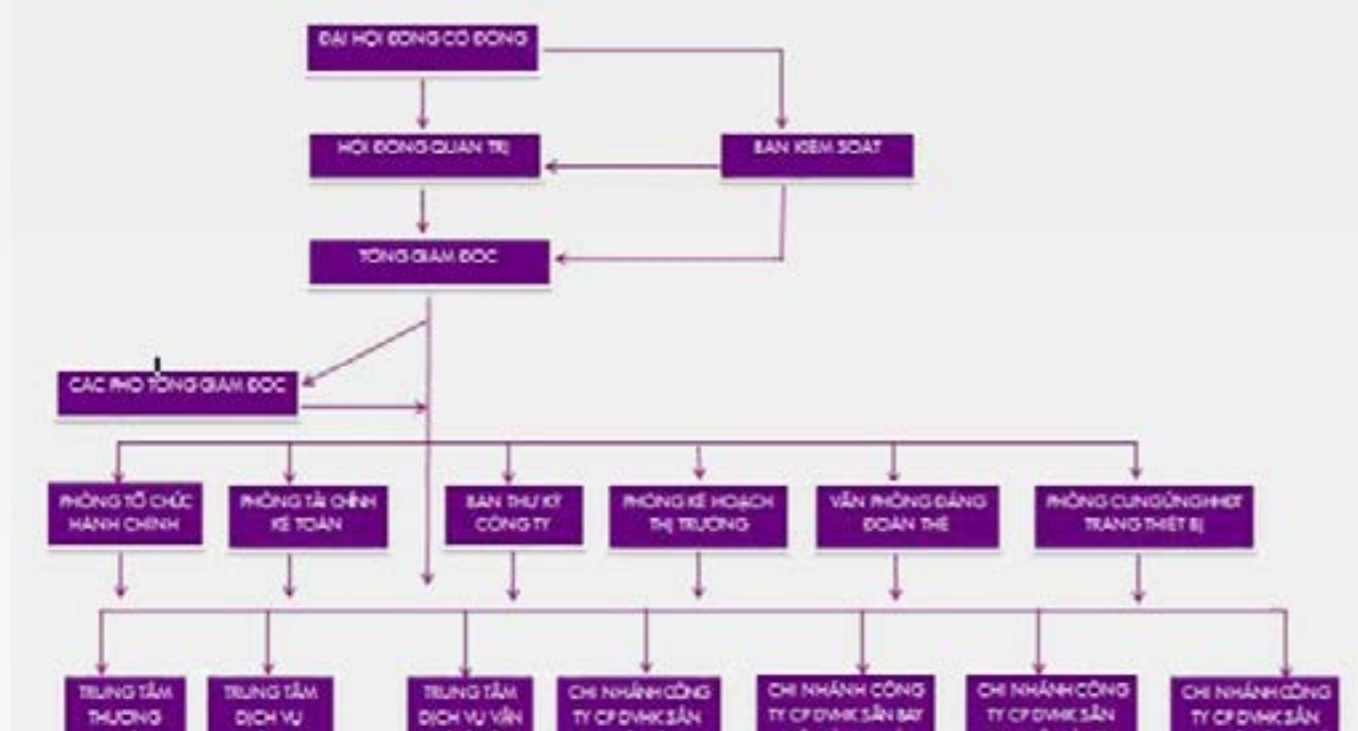
Dịch vụ thương mại, tổng hợp: Kinh doanh hàng bách hóa, mỹ nghệ, dịch vụ nhà hàng ăn uống, giải khát,.. phục vụ khách đi máy bay qua Cảng hàng không.

Dịch vụ vận tải ô tô: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô trong sân đỗ máy bay, phục vụ người lao động của các đơn vị làm việc tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài và hành khách có nhu cầu khác.





## Sơ đồ bộ máy quản lý



## A4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

### Các bộ phận chức năng

#### Phòng tổ chức hành chính

Là cơ quan tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực tổ chức và phát triển nguồn nhân lực; quản trị hành chính doanh nghiệp; có chức năng nhiệm vụ:

#### Về chức năng tổ chức:

Đề xuất, xây dựng và triển khai thực hiện các đề án cơ cấu tổ chức bộ máy về kiện toàn, thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các đơn vị và bộ phận trực thuộc Công ty; xác định quy mô, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, định biên lao động cho các đơn vị, bộ phận và các chức danh lãnh đạo quản lý có liên quan.

Xây dựng, quản lý và phát triển nguồn nhân lực bao gồm việc xác định nhu cầu, tuyển dụng, bố trí sắp xếp nguồn nhân lực; công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý và người lao động.

Xây dựng, quản lý và thực hiện công tác đào tạo, đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bổ sung và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, đào tạo nội bộ và đánh giá chất lượng đào tạo và việc sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo.

Đề xuất, xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án xác định quỹ tiền lương và tiền thưởng hàng năm của Công ty, giao đơn giá và thanh toán quỹ tiền lương các đơn vị trực thuộc, thực hiện chi trả các khoản chế độ tiền lương, tiền công, phụ cấp và giải quyết các chính sách hợp pháp khác cho người lao động về nâng bậc lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hộ và vệ sinh an toàn lao động.

Xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, xây dựng và thực hiện các nội quy, quy chế quản lý lao động, tiền lương, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, Phân cấp tổ chức và quản lý cán bộ, người lao động; hệ thống thang bảng lương, quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng; quy chế nâng ngạch, nâng bậc lương; Hệ thống chức danh tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ; Quy chế tuyển dụng, đào tạo và các quy chế hoạt động chuyên ngành.

Ban Kiểm soát:

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thực hiện giao kết và quản lý hợp đồng lao động, giải quyết chế độ thôi việc và chấm dứt hợp đồng lao động.

Thẩm định và quản lý hồ sơ nhân lực; thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý số lượng và chất lượng đội ngũ người lao động, đánh giá người lao động hàng năm để làm cơ sở quy hoạch sắp xếp, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực.

Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của người lao động ở các đơn vị trực thuộc Công ty.

#### Về chức năng hành chính, văn phòng:

Thực hiện công tác đối nội và đối ngoại, công tác hành chính quản trị văn phòng, thông tin nội bộ.

Xây dựng, đầu tư, phát triển và quản lý hệ thống công nghệ thông tin, website của Công ty.

Chủ trì xây dựng và quản trị hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008;

Quản lý, sắp xếp bố trí phương tiện phục vụ kế hoạch làm việc của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, các đơn vị, các phòng chức năng Công ty.

Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Vận tải ô tô Hàng không tổ chức xe đưa đón người lao động đi làm việc hàng ngày.





# A4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

## Các bộ phận chức năng

### Phòng Tài chính Kế toán

Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tài chính và kế toán; có chức năng, nhiệm vụ: Chủ trì xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý tài chính kế toán Công ty.

Tổ chức hoạt động quản lý tài chính - kế toán - thống kê trong Công ty phù hợp với Pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Lập, quản lý, hướng dẫn và theo dõi kế hoạch thu chi hoạt động tài chính, phân tích hoạt động thu chi tài chính, đánh giá kết quả công tác hoạt động thu chi tài chính năm của các đơn vị trực thuộc và Công ty.

Tổ chức và thực hiện công tác hạch toán kế toán - thống kê cho các trung tâm và toàn Công ty.

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động hạch toán kế toán, báo cáo kế toán, lưu trữ hồ sơ, chứng từ tại các đơn vị và trong toàn Công ty.

Thanh quyết toán, kiện toàn hoạt động tài chính kế toán cho các đơn vị trực thuộc Công ty, tổng hợp báo cáo tài chính toàn Công ty. Quản lý vốn, nguồn vốn, tài sản, các quỹ tập trung của toàn Công ty.

Chủ trì công tác lập phương án tạo nguồn vốn, sử dụng vốn, điều hòa vốn, giao nhận vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Thu thập, phân loại, xử lý các thông tin về tài chính, đề xuất các biện pháp điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tham mưu cho Tổng Giám đốc.

Tổ chức công tác phân tích hoạt động quản trị doanh nghiệp, phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, các dự án, các hoạt động đầu tư tài chính để tham mưu cho Tổng Giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính có hiệu quả.

Tham gia xây dựng, thẩm định, triển khai các dự án đầu tư, thực hiện việc quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước.



Tham gia đàm phán, thẩm định triển khai các hợp đồng kinh tế thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc quyết định; tổ chức thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của Nhà nước.

Tham gia xây dựng và quản lý, kiểm tra, giám sát các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, chi phí vật tư, nguyên nhiên vật liệu, chế biến, mức giá dịch vụ sản phẩm (đầu vào, ra), đơn giá tiền lương của Công ty.

Thực hiện các chế độ, chính sách tài chính kế toán, báo cáo thống kê trong Công ty theo quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Nghiên cứu việc phát hành cổ phiếu, chào bán cổ phần, thị trường chứng khoán để tham mưu cho Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị.

### Ban Thư ký Công ty

Là cơ quan giúp việc trực tiếp của Hội đồng quản trị; có chức năng, nhiệm vụ:

Soạn thảo các văn bản, tờ trình liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để báo cáo các cơ quan cấp trên.

Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

Ghi chép và làm các biên bản các cuộc họp. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp.

Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Là đầu mối liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát, Ban quản lý điều hành Công ty và các cổ đông.

Thực hiện bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Quản lý, theo dõi cổ đông, sổ cổ phiếu nắm giữ của các tổ chức, cá nhân và giấy chứng nhận cổ đông do Công ty phát hành.

Hướng dẫn làm hồ sơ, thủ tục chuyển nhượng khi các cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần và thực hiện các nội dung có liên quan theo Quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.



### Phòng Kế hoạch Thị trường

Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh; có chức năng, nhiệm vụ:

Xây dựng và triển khai thực hiện công tác marketing, phát triển thị trường trong toàn Công ty. Xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và hàng năm của các đơn vị trực thuộc và Công ty về các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư.

Chủ trì thực hiện việc thẩm định kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và hàng năm của các đơn vị trong Công ty. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá sản phẩm - dịch vụ đầu vào, đầu ra của các đơn vị trong Công ty. Nghiên cứu, đề xuất và soạn thảo các văn bản, chỉ thị của Tổng Giám đốc về quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thẩm định, ban hành, triển khai và thực hiện các kế hoạch, phương án, biện pháp tác nghiệp có liên quan trong quản lý, điều hành kinh doanh theo ủy quyền của Tổng Giám đốc. Tổ chức công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu.

Tham mưu xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng của Công ty. Quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc đảm bảo chất lượng các dịch vụ của Công ty.

Theo dõi, tổng hợp, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị để kịp thời tham mưu cho Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các thủ tục bổ sung, thay đổi và đăng ký ngành nghề kinh doanh, sở hữu trí tuệ, công nghiệp. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Công ty nghiệp vụ về lĩnh vực xuất - nhập khẩu, ngành nghề kinh doanh, biện pháp quản lý, phát triển khối tài sản vô hình, các vấn đề pháp lý về doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

Soạn thảo, thẩm định, quản lý và theo dõi việc thực hiện các hợp đồng kinh tế của Công ty. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, chế biến; các hoạt động đầu tư, quản lý và sử dụng đất đai, mặt bằng, môi trường, tài sản vô hình, hợp đồng kinh tế, tiếp thị và quảng cáo của các đơn vị trong Công ty.

Thực hiện nhiệm vụ quản lý vốn góp của NASCO đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

### Phòng Cung ứng HH-ĐT trang thiết bị

Là đơn vị phụ trợ, giúp Tổng Giám đốc đảm bảo việc cung ứng hàng hóa cho các đơn vị kinh doanh, thực hiện các dự án đầu tư theo phân cấp; có chức năng, nhiệm vụ:

Về cung ứng hàng hóa: Triển khai các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ, vật tư, nguyên nhiên vật liệu. Thực hiện việc khai thác, cung ứng các nguồn hàng, sản phẩm dịch vụ, hàng hóa, thực phẩm, vật tư, nguyên nhiên vật liệu đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty theo hợp đồng kinh tế đã được Tổng Giám đốc ký kết.

Thực hiện thủ tục xuất, nhập khẩu; cung ứng hàng hóa và thanh khoản từ khai hàng xuất nhập khẩu cho các Trung tâm. Quản lý, bảo quản kho tàng, hàng hóa, thực phẩm, vật tư, nguyên nhiên vật liệu.

Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường. Thực hiện công việc dán tem, mã vạch, đóng gói sản phẩm, hàng hóa, vật tư cung cấp hàng hóa đến tận địa điểm kinh doanh của các bộ phận thuộc các Trung tâm.

Đảm bảo công tác môi trường và phòng chống cháy nổ bảo lụt trong khu vực kho tàng được giao quản lý. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê hàng hóa, vật tư, tài sản, công cụ dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu... xuất, nhập, tồn kho theo quy định.

Về đầu tư - trang thiết bị: Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và trang thiết bị kỹ thuật, quản lý đất đai, mặt bằng, đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng cho Công ty.

Thực hiện việc khai thác cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu, trang thiết bị công cụ lao động... đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh.

Quản lý, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế và làm sạch cơ sở vật chất, trang thiết bị nội thất, tài sản, công cụ, dụng cụ lao động, vận hành sửa chữa hệ thống điện, điện tử, điện lạnh, hệ thống nước phục vụ cho toàn bộ các hoạt động của Công ty (trừ các chi nhánh Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh).

Đảm bảo công tác môi trường và phòng chống cháy nổ bảo lụt trong khu vực làm việc được giao quản lý.





## A4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### Các bộ phận chức năng

#### Văn phòng Đảng – Đoàn thể

Là cơ quan tham mưu giúp việc cho Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Tổng Giám đốc, Ban chấp hành công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty, có nhiệm vụ:

- Công tác đảng:
- Lập kế hoạch hoạt động công tác Đảng tháng, quý, năm trong toàn Đảng bộ.
- Chuẩn bị dự thảo Nghị quyết lãnh đạo thường kỳ và chuyên đề
- Xem xét, nghiên cứu, đề xuất thành lập tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy bộ phận và Đảng ủy công ty phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo của các đơn vị, bộ phận.
- Thực hiện chức năng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ.
- Bồi dưỡng lý luận cho đảng viên mới và đội ngũ quần chúng phục vụ cho công tác phát triển đảng viên.
- Thực hiện công tác phát triển Đảng.
- Quản lý hồ sơ, khen thưởng, kỷ luật đảng viên.
- Theo dõi và thực hiện việc thu, nộp đảng phí của các tổ chức đảng trong Đảng bộ.
- Triển khai và thực hiện công tác kiểm tra của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công ty.
- Tham mưu cho Đảng ủy Công ty trong việc đề nghị xét tặng huy hiệu 30, 40 năm tuổi đảng theo quy định.
- Phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện nội dung công việc về công tác tổ chức, cán bộ trong Đảng bộ Công ty.
- Theo dõi và quản lý các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Đảng bộ Công ty.
- Quản lý công tác văn thư, lưu trữ bảo mật; Kiểm soát hồ sơ, tài liệu và ISO.

- Sắp xếp, bố trí kế hoạch làm việc công tác, hội họp, giao ban, tiếp khách cho Ban Giám đốc.
- Tổng hợp báo cáo giao ban, hội họp; Soạn thảo văn bản, quy chế, chỉ thị, thông báo của Ban Giám đốc theo lĩnh vực được phân công. Phối hợp với Ban Thư ký Công ty ghi chép biên bản, Nghị quyết, kết luận của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị.
- Thực hiện công tác quản lý thanh quyết toán chi phí Văn phòng
- Thực hiện công tác vệ sinh, tạp vụ Trụ sở Công ty.
- Công tác đoàn thanh niên:
- Tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống cách mạng của dân tộc cho đoàn viên thanh niên.
- Tổ chức các phong trào, hoạt động thiết thực cho đoàn viên thanh niên gắn với nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc thiếu nhi đồng là con của người lao động trong Công ty.
- Tham mưu trong các hoạt động thi đua, tuyên truyền, văn hóa, thể thao của Công ty.
- Công tác an ninh an toàn phòng chống cháy nổ lụt, bão:
- Quản lý và đảm bảo công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, lũ lụt và thiên tai địch họa cho toàn Công ty.
- Đảm bảo công tác quốc phòng an ninh, bảo vệ an ninh an toàn tại Trụ sở Công ty và các địa điểm làm việc, kho bãi của các đơn vị trong Công ty tại Sân bay quốc tế Nội Bài
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.



### Công ty có 04 chi nhánh hạch toán phụ thuộc sau

- Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hà Nội;
- Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hải Phòng;
- Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Đà Nẵng;
- Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 01/03/2016, các chi nhánh tiến hành sáp nhập lại với Công ty và dừng hoạt động tại các Chi nhánh này.

### Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	Tòa nhà trụ sở NA-SCO sân bay Quốc tế Nội bài xã Phú Minh- Huyện Sóc Sơn- Thành phố Hà Nội	49,12%	51%	49,12%	Vận chuyển hàng hóa hàng không, dịch vụ kho bãi,...

### Công ty liên kết

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	16%	36%	16%	Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô 05 chỗ, 16 chỗ





## A5. VỊ THẾ

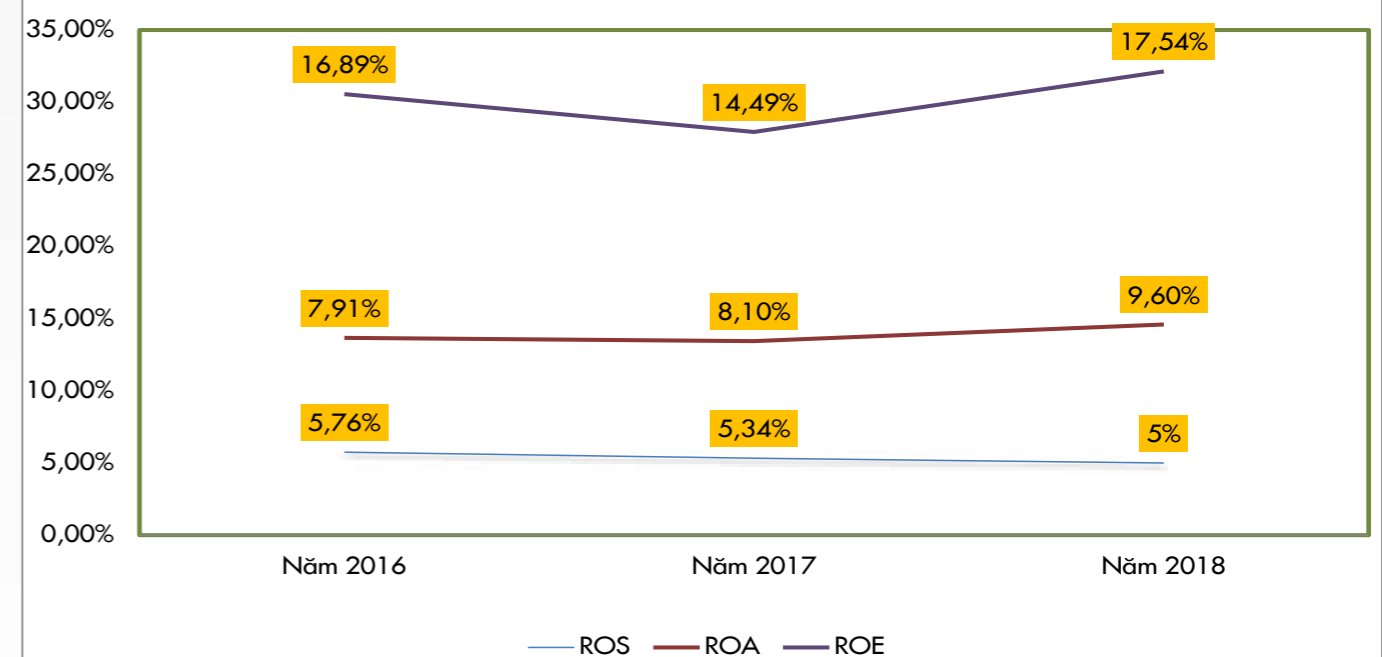


Công ty luôn được xếp hạng doanh nghiệp loại A với sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thu nộp ngân sách nhà nước, tạo được việc làm và thu nhập cao đối với người lao động.

Trong ngành hàng không hiện nay, trên các lĩnh vực dịch vụ, vị trí của NASCO là doanh nghiệp tự đánh giá xếp hạng như sau:

- + Dịch vụ vận chuyển khách sân đỗ tàu bay tại sân bay Nội Bài: Là doanh nghiệp hàng đầu trong vận chuyển bằng xe chở khách chuyên dụng
- + Dịch vụ phòng khách thương gia: Là doanh nghiệp có phòng chờ thương gia nội địa xếp thứ 2 trong hệ thống phòng chờ liên minh Sky Team, phòng chờ quốc tế xếp hạng nhất tại sân bay Nội Bài.
- + Dịch vụ bán hàng miễn thuế: Là doanh nghiệp xếp hạng thứ 2 trong số 03 doanh nghiệp
- + Dịch vụ bán hàng bách hóa và lưu niệm tại nhà ga hành khách T1 và T2: Là doanh nghiệp có diện tích mặt bằng kinh doanh chiếm 36% tổng diện tích mặt bằng kinh doanh phi hàng không
- + Dịch vụ nhà hàng ăn uống tại T1 chiếm 36% diện tích kinh doanh tại nhà ga T1
- + Dịch vụ vận chuyển xe tuyến: Là doanh nghiệp hàng đầu chuyên chở toàn bộ công nhân viên các đơn vị thuộc tổng công ty HKVN tại Nội Bài và một số doanh nghiệp lớn không thuộc VNA.

Tỷ suất lợi nhuận giai đoạn 2016 - 2018



Theo số liệu báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty



## A6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Ổn định và tổ chức kinh doanh tốt các dịch vụ hiện có, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh cả về chu=iều rộng lẫn chiều sâu

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, gia tăng thị phần và lợi thế cạnh tranh

- Chú trọng đầu tư phát triển kinh doanh: giữ vững và phát triển năng lực hiện có, tăng cường ứng dụng công nghệ mới vào công tác quản lý sản xuất kinh doanh

- Mở rộng sản xuất kinh doanh ra các thị trường ngoài khu vực Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, trọng tâm là thành phố Hà Nội và thị trường lân cận

- Phát triển kinh doanh một số lĩnh vực mới

- Ổn định và nâng cao thu nhập của người lao động

- Xây dựng NASCO có cơ cấu tài chính lành mạnh, an toàn và phát triển vốn tốt, kinh doanh có hiệu quả cao và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

\* Chiến lược kinh doanh: Nâng cao chất lượng, giữ vững và tiếp tục tăng quy mô các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời, nghiên cứu và phát triển những ngành kinh doanh mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng

- Tổ chức lại hoạt động kinh doanh của các Nhà hàng, các bộ phận của các đơn vị đảm bảo kinh doanh có hiệu quả:

+ Nghiên cứu, triển khai áp dụng thực tế các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại, hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng kịp thời sự thay đổi nhu cầu và phong cách tiêu dùng của khách hàng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, khắc phục hạn chế về lợi thế vị trí kinh doanh.

+ Áp dụng phương thức giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả hơn, nâng cao quyền tự chủ hơn đối với các nhà hàng, dần dần áp dụng rộng rãi tới các điểm kinh doanh khác để phù hợp tiến trình tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả của Công ty, phù hợp với định hướng của Tổng công HKVN-CTCP

- Đối với Công ty Cổ phần Taxi NASCO: Mở rộng kinh doanh dịch vụ Taxi, minibus và các dịch vụ gia tăng khác như: dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ đưa đón khách VIP.

- Đối với Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO: Phát triển mở rộng mạng lưới dịch vụ chuyển phát hàng hóa, liên kết với các đối tác nước ngoài để nối dài dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế. Triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng các nhà ga hàng hóa tại khu vực sân bay Quốc tế Nội Bài.

\* Chiến lược đầu tư: Đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu đảm bảo nguồn tài chính tăng trưởng bền vững và lành mạnh, đảo ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Định hướng về đầu tư:

- Đầu tư cải tạo, mở rộng các điểm kinh doanh của Công ty tại khu vực nhà ga hành khách T1, T2 nhất là các điểm kinh doanh chủ chốt của Công ty.

- Đầu tư thay thế trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh đặc biệt là các phương tiện phục vụ khách trong sân đỗ tàu bay.

Định hướng về chính sách vốn:

- Sử dụng tối đa các nguồn vốn hiện có từ vốn đầu tư của chủ sở hữu, các nguồn quỹ và lợi nhuận để lại chưa phân phối; các nguồn vốn ngắn hạn từ các nhà cung cấp; quản lý tốt công nợ. Trong trường hợp cần thiết có thể huy động thêm nguồn vốn vay thương mại, xã hội hóa nguồn vốn đầu tư.

- Tăng vốn đầu tư chủ sở hữu (vốn điều lệ) thông qua phát hành cổ phiếu để đảm bảo cho hoạt động đầu tư của Công ty.

\* Chiến lược phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ nhân viên, người lao động toàn công ty, xây dựng và phát triển thái độ phục vụ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm xây dựng thương hiệu NASCO uy tín và chuyên nghiệp.

\* Chiến lược khoa học công nghệ: Tiên phong và dẫn đầu

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý kinh doanh;

- Tích cực ứng dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ nhằm giảm thời gian chờ đợi của khách hàng, nâng cao hình thức và chất lượng phục vụ.





## A7. CÁC RỦI RO



### Rủi ro về xã hội: Sự bất ổn kinh tế - chính trị toàn cầu

Tình hình an ninh - chính trị thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh mạng, chiến tranh cục bộ,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực ảnh hưởng đến ngành vận tải hàng không nói chung.

Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp,...

Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng kéo theo làn sóng các doanh nghiệp FDI đầu tư sản xuất-kinh doanh tại Việt Nam không ngừng gia tăng. Cạnh tranh thương mại sẽ ngày càng trở nên gay gắt hơn, đặc biệt là nhóm ngành dịch vụ phi hàng không.



### Rủi ro về tài chính: Rủi ro về lãi suất và tỷ giá

Công ty có các giao dịch hoạt động tiền gửi và tiền vay đối với các tổ chức tín dụng trong nước. Khi có sự biến động tăng lãi suất, Công ty sẽ phải chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Tuy nhiên, rủi ro này đã được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty có mua hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của Công ty có dòng tiền thu vào và chi ra bằng đô la (USD) vì vậy khi tỷ giá hối đoái biến động làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến để lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ.



### Rủi ro pháp lý

Sự thay đổi cơ chế chính sách về Luật Bảo hiểm xã hội, Quyết định số 4224/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành khung giá một số dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.





A high-angle photograph of a white Lufthansa CRJ-900 regional jet on a tarmac. The aircraft is facing right, with its registration number 'D-RLJL' visible on the tail. The word 'Lufthansa' is printed on the side of the fuselage. A ground crew member in an orange uniform is standing in the bottom right corner, looking towards the plane. The background shows a paved runway and green grass.

## **B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

- B1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**
- B2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**
- B3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN**
- B4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**
- B5. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU**



# B1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả sản xuất kinh doanh

### Những mặt thuận lợi trong năm 2018

Lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài nói chung và lượng khách của VNA qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao so với cùng kỳ năm trước. Ước tính năm 2018 tốc độ tăng trưởng hành khách qua Cảng HKQT Nội Bài tăng 8,26% so với cùng kỳ năm 2017.

Công ty được điều chỉnh tăng giá phục vụ khách hạng thương gia đối với khách Skyteam từ 430.000 đồng/khách lên 508.200 đồng/khách.

Các dự án hợp tác kinh doanh với các đối tác: VP Bank, Go Japan triển khai đúng kế hoạch góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

Các điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 sau khi cải tạo, hợp tác hoạt động ổn định, tăng cường hợp tác KD phối hợp với các đối tác có thương hiệu.

Tăng cường nguồn thu từ tài trợ, quảng cáo do tận dụng lợi thế về vị trí kinh doanh.



### Những khó khăn trong năm 2018

Thị trường hàng hóa, dịch vụ tại Cảng HKQT Nội Bài bị cạnh tranh gay gắt.

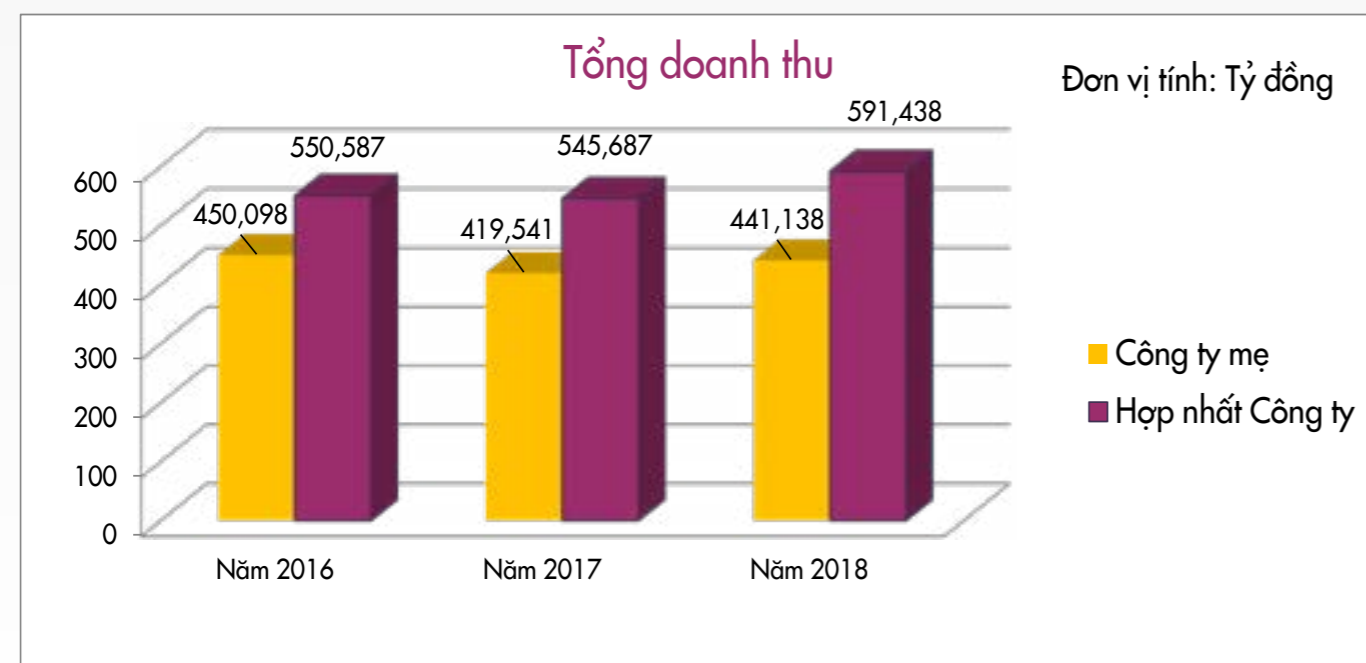
Chi phí thuê mặt bằng tăng so với KH, phát sinh chi phí đặt standee, biển hiệu.

Công ty phải đảm bảo việc làm và chế độ cho người lao động tại các điểm dừng kinh doanh.

Các điểm kinh doanh mới tại T1 chậm đưa vào hoạt động so với kế hoạch.

Công ty phải thuê PTVT ngoài do chưa thực hiện đầu tư mới. Từ 01/9/2018 các đối tác Okara, Go Japan ngừng hợp tác kinh doanh.

**NASCO có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ nhà hàng - phòng chờ, vận tải bằng ô tô trong và ngoài sân đỗ tàu bay, bán hàng hóa lưu niệm và hàng miễn thuế tại sân bay Nội Bài**



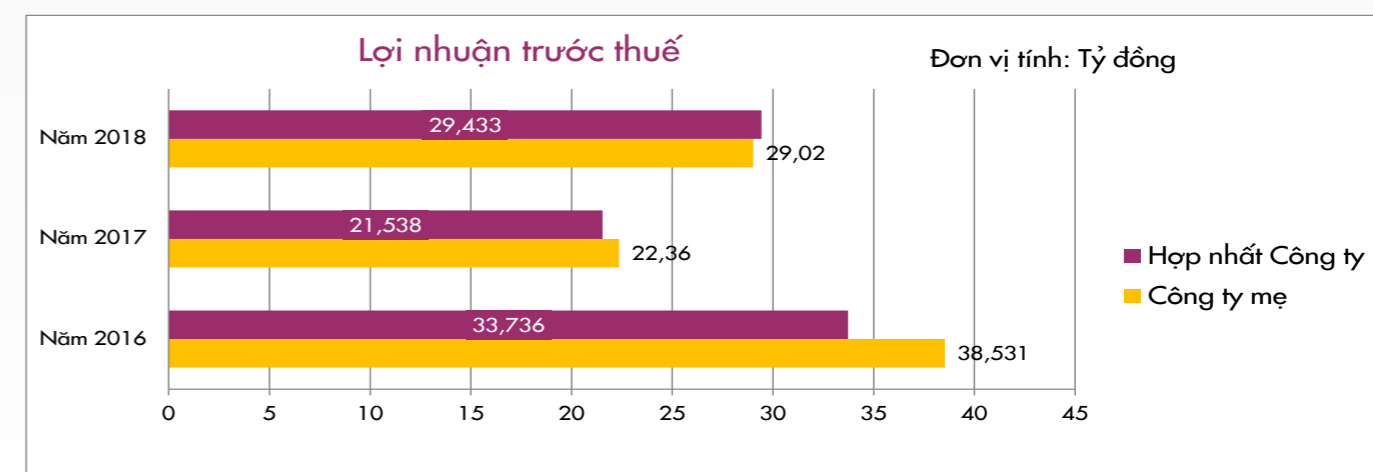
### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018
1	Doanh thu thuần	Tỷ Đồng	488,13	441,140	90,37%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ Đồng	26,23	26,46	124%
3	Cổ tức (dự kiến)	%	19	20	105
4	ROE	%	21,83	21,9	100,32

Năm 2018 mặc dù Công ty không đạt kế hoạch về doanh thu, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của năm 2018 đến từ tình hình thị trường và hoạt động đầu tư, cụ thể:

- Thị trường vận tải hàng không tại Cảng HKQT Nội Bài có sự tăng trưởng cao;
- Công ty được điều chỉnh tăng giá dịch vụ phục vụ khách hạng thương gia Quốc tế;

- Một số điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 chậm đi vào hoạt động so với kế hoạch, sau khi đi vào hoạt động các điểm kinh doanh này cũng không đạt doanh thu kỳ vọng.
- Một số chi phí đầu vào tăng mạnh cũng ảnh hưởng tới tình hình SXKD của đơn vị như: chi phí thuê mặt bằng, chi phí nguyên nhiên vật liệu, chi phí CCDC...
- Một số dự án đầu tư chưa triển khai kịp tiến độ kế hoạch do liên quan đến thủ tục đấu thầu.





## Giới thiệu Ban lãnh đạo

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

#### Ông Lê Đức Cảnh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: Ngày sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần

Kiểm nhiệm: Trưởng Ban ĐTMS Tổng công ty hàng không Việt Nam

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Giám đốc Kinh doanh tại Công ty cổ phần Cơ điện lạnh
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Bình Điền
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển điện Nông thôn Trà Vinh
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

02

#### Ông Trần Việt Phương

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành quản lý kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần

Kiểm nhiệm: Được ủy quyền là "Người công bố thông tin" của NASCO kể từ ngày 01/09/2018

04

#### Bà Hà Thị Thu Nga

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 771.120 cổ phần; chiếm 9,27% vốn điều lệ

Kiểm nhiệm: Trưởng Phòng dịch vụ mặt đất – Ban Dịch vụ hành khách – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

03

#### Ông Vũ Đình Thủy

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính kế toán

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 771.120 cổ phần

Kiểm nhiệm:

Thành viên HĐQT Hãng hàng không Cambodia Angkor Air nhiệm kỳ 2014 -2017

Phó trưởng Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

Thành viên HĐQT Công ty VIAGS

05

#### Ông Nguyễn Văn Thắng

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm:

Trình độ chuyên môn:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: cổ phần

Kiểm nhiệm:

Trưởng Phòng dịch vụ mặt đất – Ban dịch vụ thị trường – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

02

#### Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần – Đại diện: 0 cổ phần có quyền biểu quyết

Kiểm nhiệm: Phó trưởng ban nghiệp vụ thuộc Trung tâm Dịch vụ Hàng không – CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài

03

#### Bà Trần Kim Oanh

Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán công nghiệp

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần – Đại diện: 0 cổ phần có quyền biểu quyết

Kiểm nhiệm: Phó phòng Ngân quỹ - Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

01

#### Bà Nguyễn Thị Thiên Kim

Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: Ngày sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần – Đại diện: 0 cổ phần có quyền biểu quyết

BAN KIỂM SOÁT

02

#### Ông Đặng Huy Khôi

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1960

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ CN quản lý kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 10.164 cổ phần (0,122% vốn điều lệ)

Kiểm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

01

#### Ông Trần Việt Phương

Tổng Giám đốc

Đã giới thiệu ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

03

#### Ông Trần Xuân Cương

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, cử nhân CN kinh tế tổ chức vận tải

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 11.859 cổ phần (0,143% vốn điều lệ)

Kiểm nhiệm: Không

04

#### Bà Trần Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ CN quản trị kinh doanh

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần – Đại diện: 0 cổ phần

Kiểm nhiệm: Không



## B2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Thay đổi của Ban lãnh đạo trong năm 2018

Ông Trần Việt Phương được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) thay ông Nguyễn Mạnh Quân, đồng thời, được ủy quyền làm người công bố thông tin của NASCO kể từ ngày 01/09/2018.



(NASCO tổ chức đào tạo an ninh hàng không cho nhân viên làm việc tại nhà ga hành khách T1 và T2)



(Đảng bộ Công ty NASCO tổ chức hoạt động về nguồn năm 2018)

### Thống kê nhân sự

Tính đến 31/12/2018 có 604 lao động ký Hợp đồng trực tiếp với Công ty.

STT	Tiêu chí	Số lượng 2017 (người)	Số lượng 2018 (người)	Tỷ trọng 2018
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	247	232	38,41%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	96	89	14,74%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	234	235	38,91%
4	Lao động phổ thông	51	48	7,95%
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	500	457	75,66%
2	Lao động gián tiếp	128	147	24,34%
III	Theo giới tính			
1	Nam	267	263	43,54%
2	Nữ	361	341	56,46%
IV	Theo độ tuổi			
1	Dưới 25	18	7	1,16%
2	Từ 25-35	185	231	38,25%
3	Trên 35	425	366	60,60%
V	Theo thời gian làm việc tại công ty			
1	Từ 0-2 năm	45	32	5,30%
2	Từ 2-5 năm	72	82	13,58%
3	Từ 5-10 năm	80	74	12,25%
4	Trên 10 năm	431	416	68,87%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>628</b>	<b>604</b>	<b>100,00%</b>



(Hội nghị người lao động Công ty NASCO năm 2018)



## B2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Cơ cấu nhân sự



STT	Tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
1	Số lượng lao động (người)	1.065	998	706	643	612
2	Thu nhập/lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)	9.209.000	9.581.000	10.775.000	11.320.000	12.246.532

### Chính sách nhân sự

**Chính sách về lương, thưởng:** Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực, nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

Thu nhập của người lao động tại Công ty là thu nhập theo tháng, dựa trên mức thu nhập Công ty trích, nộp các khoản kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân cho cán bộ, công nhân viên.

**Chính sách về trợ cấp:** Ngoài tiền lương, thưởng, cán bộ công nhân viên tại NASCO còn được hưởng các khoản trợ cấp, phụ cấp khác tùy thuộc vào đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực của mỗi người (như phụ cấp điện thoại, xăng dầu, công tác phí,...).

Công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên luôn được quan tâm. Hàng năm cán bộ, công nhân viên đều được khám sức khỏe định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn quan tâm đến thân nhân, gia đình cán bộ, công nhân viên, thường xuyên có các hoạt động hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, cưới xin, ma chay,...

**Chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực:** Với môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách đãi ngộ với cán bộ, công nhân viên hợp lý, NASCO đã có được nguồn nhân lực đông đảo, có năng lực và kinh nghiệm. Bên cạnh đó, quá trình tuyển dụng đào tạo của Công ty được xây dựng khoa học và linh hoạt. Việc tuyển dụng lao động của Công ty được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài trong năm 2018 đã tổ chức tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ và quản lý cho cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty. Cụ thể:

- Đào tạo chứng chỉ An Ninh Hàng không cho nhân viên làm việc tại Cảng HKQT Nội Bài
- Đào tạo chứng chỉ lái xe sân đỗ cho lái xe chờ khách trong sân đỗ tàu bay
- Đào tạo chứng chỉ ATVSLĐ, chứng chỉ PCCC.
- Đào tạo Nghiệp vụ đấu thầu...

## B3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Tình hình đầu tư thực hiện dự án



#### Kế hoạch đầu tư - xây dựng cơ bản giai đoạn 2017-2020:

Giai đoạn 2017 - 2020, Công ty cần huy động 117,96 tỷ đồng vốn đầu tư để thực hiện các dự án. Nguồn vốn cho các khoản đầu tư sẽ được lấy từ các nguồn: quỹ khấu hao cơ bản tài sản cố định, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tăng vốn điều lệ, vốn vay ngân hàng và các quỹ khác.

Danh mục đầu tư bao gồm đầu tư thay thế, bổ sung trang thiết bị để đảm bảo chất lượng dịch vụ, đầu tư trang thiết bị tại Nhà ga T1 sau khi cải tạo và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý.

#### Đánh giá tiến độ thực hiện dự án/ kế hoạch:

Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai bao gồm: 01 dự án xây dựng cơ bản và 01 dự án đầu tư phương tiện vận tải trong sân đỗ chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2017.

Các dự án đã thực hiện tuân thủ theo kế hoạch, nội dung đầu tư đã được phê duyệt. Dự án xây dựng cơ bản (Xây dựng các cửa hàng tại Nhà ga T1) đã hoàn thành và đưa vào khai thác, hiện đang thực hiện các công tác thanh quyết toán dự án theo đúng quy định. Tổng mức đầu tư thực hiện tới thời điểm hiện tại không vượt so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Dự án đầu tư 02 xe sàn thấp đã hoàn thành việc đấu thầu và ký hợp đồng mua bán, hiện đang trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Các dự án mới tại Kế hoạch đầu tư 2018 đã được triển khai bao gồm hạng mục: Dự án đầu tư 01 xe 45 chỗ phục vụ xe tuyến; Dự án đầu tư 04 xe sàn thấp phục vụ khách hạng C. Tiến độ triển khai các hạng mục đang được triển khai tích cực đáp ứng tiến độ hoàn thành hạng mục đưa vào hoạt động của Công ty. Các dự án đầu tư trong năm đã hoàn thành, đưa vào sử dụng: Xây dựng Nhà để xe và một số hạng mục đầu tư lẻ, dự án 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi, dự án đầu tư website thương mại điện tử.





## B3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Tình hình đầu tư thực hiện dự án

“Tổng mức đầu tư – xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2018 là: 103,23 tỷ đồng.”

Các khoản mục đầu tư	Kế hoạch năm 2018	Tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
<b>1. Dự án chuyển tiếp: 37,5 tỷ đồng</b>			
a) Đầu tư trang thiết bị Bao gồm: * Đầu tư phương tiện vận tải trong sân đỗ. * Dự án đầu tư 02 xe sàn thấp.	22,72 tỷ đồng	22,71 tỷ đồng	99,96%
- Kinh phí chuẩn bị đầu tư	10 triệu đồng	0	0
- Kinh phí thực hiện đầu tư	22,71 tỷ đồng	22,71 tỷ đồng	100
b) Đầu tư xây dựng cơ bản Bao gồm: * Đầu tư xây dựng, cải tạo các Nhà hàng tại Nhà ga T1	14,78 tỷ đồng		Đã hoàn thành và đưa vào khai thác
- Kinh phí chuẩn bị đầu tư	0,4 tỷ đồng	0	
- Kinh phí thực hiện đầu tư	14,39 tỷ đồng	5,64	38,15
c) Đầu tư trang thiết bị không theo dự án	0 đồng		
<b>2. Dự án mới: 65,73 tỷ đồng</b>			
a) Dự án đầu tư trang thiết bị Bao gồm: * Dự án đầu tư 01 xe 45 chỗ phục vụ xe tuyến; * Dự án đầu tư 04 xe sàn thấp phục vụ khách hạng C * Dự án 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi * Dự án đầu tư website thương mại điện tử.	54,07 tỷ đồng		
- Kinh phí chuẩn bị đầu tư	0 đồng		
- Kinh phí thực hiện đầu tư	54,07 tỷ đồng	3,26 tỷ đồng	6,02 tỷ đồng
b) Dự án đầu tư xây dựng cơ bản Bao gồm: * Xây dựng Nhà để xe và một số hạng mục đầu tư lẻ	8,86 tỷ đồng		
- Kinh phí chuẩn bị đầu tư	0,78 tỷ đồng	0	
- Kinh phí thực hiện đầu tư	8,08 tỷ đồng	0,21 tỷ đồng	2,6
<b>3. Đầu tư trang thiết bị không theo dự án: 2,81 tỷ đồng</b>			

### Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết năm 2018

STT	Danh mục đầu tư	Kế hoạch năm 2018		
		Vốn đầu tư lũy kế đến thời điểm cuối năm	Tỷ lệ góp vốn đến thời điểm cuối năm (%)	Kế hoạch cổ tức/lợi nhuận được chia
1	Đầu tư vào công ty con Góp vốn vào Công ty CP Giao nhận hàng hóa NASCO	25.500	13,08	765
2	Đầu tư vào Công ty liên kết Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam	3.780	36	316,96
3	Đầu tư tài chính khác Góp vốn vào Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	6.694,69	6,98	13.890,14

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, tình hình thực hiện đầu tư tài chính của Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài cụ thể như sau:

	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty con	57.720.000.000	(3.011.107.840)	(*)
Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa NASCO	57.720.000.000	(3.011.107.840)	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.280.000.000	(611.340.811)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam	1.280.000.000	(611.340.811)	
Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	6.694.690.000	-	130.859.688.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS)(**)	6.694.690.000	-	130.859.688.400
<b>Cộng</b>	<b>65.694.690.000</b>	<b>(3.622.448.851)</b>	<b>130.859.688.400</b>

(\*) Đối với các khoản đầu tư này Công ty không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

(\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (1.827.649 cổ phiếu tương ứng 5% cổ phần) được xác định theo giá đóng cửa của khoản chứng khoán này tại sàn HOSE tại ngày 28/12/2018.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam tại ngày 31/12/2018 tăng lên so với đầu kỳ do được tính theo tỷ lệ lợi ích của Công ty trong tổng số lỗ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng kỳ tương ứng của Công ty con và Công ty liên kết.



## B4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

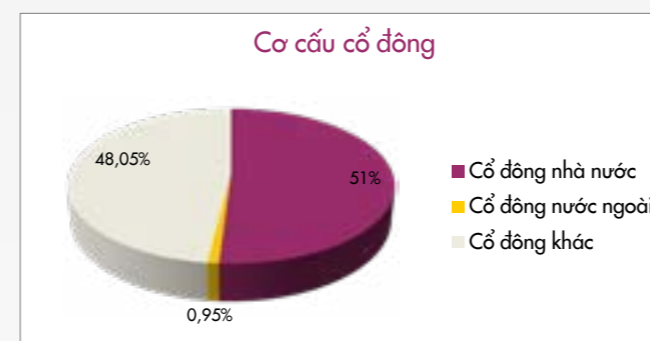
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY MẸ		
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSNH/NNH	1,19	1,28
Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH-HTK)/NNH	1,08	1,21
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	44,11	45,00
Hệ số Nợ / VCSH	78,91	83,00
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	22,68	39,95
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,52	2,13
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
ROS	5,34	5,00
ROE	14,49	17,54
ROA	8,1	9,60
LNHĐKD/DTT	5,57	7,00

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỦ YẾU		
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSNH/NNH	1,31	1,41
Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH-HTK)/NNH	1,18	1,34
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	39,05	0,40
Hệ số Nợ / VCSH	64,07	0,67
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	34,84	39,40
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,59	1,71
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
ROS	3,90	4,62
ROE	10,17	12,90
ROA	6,20	8,01
LNHĐKD/DTT	4,07	5,19

## B5. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ

### Cổ phần

Vốn điều lệ: 83.157.640.000 đồng  
 Số cổ phiếu đang lưu hành: 8.315.764 cổ phiếu  
 Số cổ phiếu niêm yết: 8.315.764 cổ phiếu  
 Cổ phiếu quỹ: 2.820.000 cổ phiếu  
 Tổng số cổ phần: 8.315.764 cổ phiếu  
 Các đợt tăng vốn trong năm 2018: không có  
 Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2018: không có



### Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn	5.141.536	61,83
Tổng công ty hàng không Việt Nam	4.241.160	51,00
Ông Đỗ Hữu Nghĩa	900,376	10,827
Cổ đông nhỏ	3.174.228	38,17
Tổng cộng	8.315.764	
Cổ đông tổ chức	4.733.819	56,93
Cổ đông cá nhân	3.581.945	43,07
Tổng cộng	8.315.764	
Cổ đông trong nước	8.236.964	99,05
Cổ đông nước ngoài	78.800	0,95
Tổng cộng	8.315.764	
Cổ đông nhà nước	4.241.160	51%
Cổ đông khác	4.074.604	49%
Tổng cộng	8.315.764	

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2018: Không có

Các đợt tăng vốn trong năm 2018: Không có



## C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

C1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

C2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

C3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

C4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



# C1. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

## Đánh giá khái quát

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2018	%SS TH2018/KH 2018	%SS TH2018/TH 2017
I	<b>CÔNG TY MẸ</b>				
2	Tổng Doanh thu	488.132,23	471.664,55	96,63	105,01
	Tổng doanh thu không bao gồm doanh thu nội bộ	458.004,49	441.138,44	96,32	105,15
a	Doanh thu từ hoạt động SXKD	470.533,38	453.306,78	96,34	105,63
b	Doanh thu từ hoạt động khác	17.598,85	18.357,77	104,31	91,74
3	Tổng chi phí	459.452,27	442.644,36	96,34	103,71
	Tổng chi phí không bao gồm chi phí nội bộ	429.324,54	412.118,26		
a	Chi phí từ hoạt động SXKD	453.144,56	434.545,53	95,90	103,72
b	Chi phí hoạt động khác	6.307,71	8.098,83	128,40	103,33
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	28.679,96	29.020,19	101,19	129,78
a	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	17.388,81	18.761,25	107,89	184,13
b	Lợi nhuận hoạt động khác	11.291,14	10.258,94	90,86	84,29
6	Lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN	26.233,74	26.316,72	100,32	123,34
II	<b>CHỈ TIÊU HỢP NHẤT</b>				
1	Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất	658.210,00	603.617,38	91,71	104,76
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	31.220,00	29.432,57	94,27	136,65

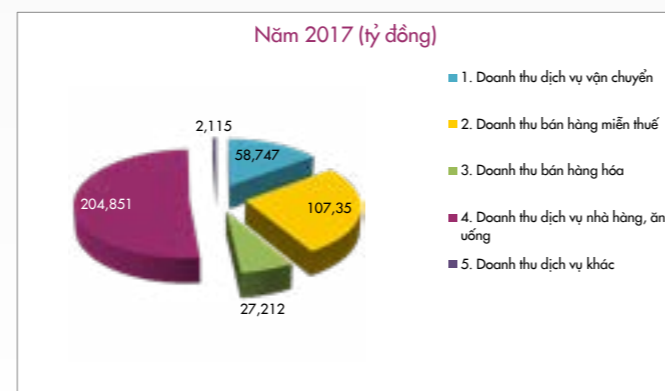
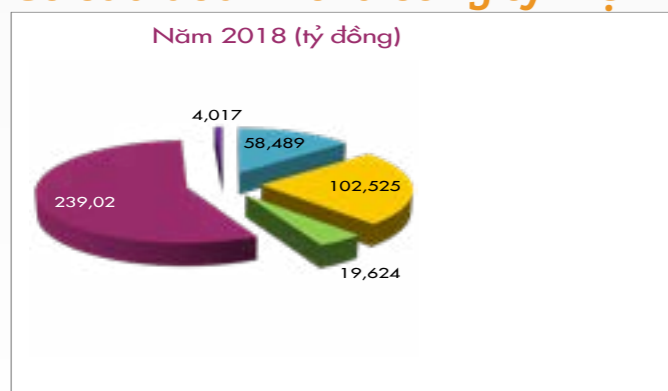
**“Tổng Doanh thu năm 2018 đạt 441,14 tỷ đồng, đạt 96,32% so với kế hoạch ”**

Nguyên nhân doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra:

Năm 2018 tình hình SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn: Tình hình cạnh tranh tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài ngày càng gay gắt; thói quen mua sắm hàng hóa của khách hàng tại sân bay bị giảm sút nhiều do ảnh hưởng của thương mại điện tử.

Doanh thu một số lĩnh vực kinh doanh đạt thấp như các lĩnh vực ăn nhanh giải khát, bán hàng thương mại, bán vé máy bay. Một số lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty vẫn đạt mức tăng trưởng cao như: Dịch vụ phòng khách hạng thương gia, dịch vụ vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay.

## Cơ cấu doanh thu công ty mẹ



## Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

### Vận tải hành khách

Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô trong sân đỗ máy bay: NASCO cung cấp dịch vụ chở khách từ nhà ga ra tàu bay và ngược lại bằng các phương tiện vận chuyển chuyên dụng, trang thiết bị hiện đại phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam. Hiện nay NASCO đang vận chuyển khách cho trên 20 hãng hàng không trong nước và quốc tế. NASCO cũng cung cấp dịch vụ xe dẫn đường cho các đoàn xe, dịch vụ đưa đón khách VIP, dịch vụ chờ đại diện của các Hãng hàng không, dịch vụ thuê xe gác tàu bay, dịch vụ thuê xe giám sát hàng hóa...

Dịch vụ xe tuyến: Cung cấp dịch vụ vận chuyển tuyến từ Hà Nội Bài-Hà Nội cho các cơ quan doanh nghiệp làm việc tại Sân bay Quốc tế Nội Bài qua nhiều tuyến đường tại Thành phố Hà Nội và nhiều khung giờ trong ngày. Ngoài ra NASCO nhận dịch vụ vận chuyển khách bằng ô tô liên tỉnh, nội tỉnh với các loại xe từ 29 đến 45 chỗ ngồi.

Lượng khách qua Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài có xu hướng tăng cao do nhu cầu đi lại bằng đường hàng không ngày càng phổ biến; sự kết hợp của công nghệ hiện đại giúp cho việc đặt vé online, tra cứu lịch bay ngày càng dễ dàng và tiện lợi. Do đó, dịch vụ vận tải hành khách tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài có cơ hội để phát triển mạnh mẽ. Ngoài dịch vụ xe tuyến, NASCO còn cung cấp Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô taxi của NASCO mang thương hiệu AIRPORT TAXI – thương hiệu đã được đăng ký sở hữu độc quyền của NASCO trên toàn lãnh thổ Việt Nam.



Hiện nay, tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài có 14 doanh nghiệp Taxi được nhượng quyền khai thác. Cho thấy, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, nó sẽ ảnh hưởng từ 10-20% tổng doanh thu của Công ty. Trong năm 2018, NASCO triển khai đầu tư mới và đưa vào sử dụng các phương tiện vận tải, cụ thể: Dự án đầu tư 01 xe 45 chỗ phục vụ xe tuyến; Dự án đầu tư 04 xe sàn thấp phục vụ khách hạng C. Tiến độ triển khai các hạng mục đang được triển khai tích cực đáp ứng tiến độ hoàn thành hạng mục đưa vào hoạt động của Công ty. Các dự án đầu tư trong năm đã hoàn thành, đưa vào sử dụng: Xây dựng Nhà để xe và một số hạng mục đầu tư lẻ, Dự án 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi.

Trong năm 2019, NASCO sẽ tiếp tục triển khai mở rộng dịch vụ kinh doanh Taxi tại nội thành Hà Nội và khu vực lân cận, dịch vụ đưa đón khách VIP nhằm mở rộng thị phần, nâng cao uy tín và thương hiệu AIRPORT TAXI đã được đồng đảo các khách hàng tin cậy, trở thành người bạn gần gũi của những công dân Việt Nam và người nước ngoài có nhu cầu thường xuyên bay từ/ đến Sân bay quốc tế Nội Bài.

**“Tổng doanh thu dịch vụ vận chuyển hành khách của NASCO năm 2018 đạt 58,489 tỷ đồng, chiếm 13,81% trong tổng cơ cấu doanh thu năm 2018.”**





# C1. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

## Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

### Kinh doanh thương mại

Cửa hàng miễn thuế của NASCO được mang tên NASCO DUTYFREE SHOP vị trí trong khu cách ly quốc tế đi, tầng 3 nhà ga hành khách quốc tế T2, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, phục vụ hành khách xuất cảnh. NASCO DUTY-FREE SHOP luôn mang tới cho khách hàng các loại hàng tiêu dùng có chất lượng cao, được cung cấp từ các nhà sản xuất danh tiếng trên thế giới, thích hợp cho tiêu dùng cá nhân, làm quà tặng, ... với trên 300 loại sản phẩm, với các chủng loại phong phú và chất lượng cao: Các chủng loại rượu nhập khẩu: Cognac, Whisky, Vodka, Gin, Rum, Wine ... nhập khẩu từ Pháp, Ý, Scotland, Canada, ... với các thương hiệu đã nổi tiếng như: REMY MARTIN, HENNESSY, MARTELL, CAMUS, CHIVAS, BALLANTINES, JOHNNIE WALKER, SMIRNOFF, MALIBU...; Mỹ phẩm, nước hoa cao cấp nhập khẩu từ nhiều quốc gia trên thế giới; Bánh kẹo và thực phẩm cao cấp nhập khẩu ... Các loại hàng hóa trong NASCO DUTY FREE SHOP đều được kiểm soát và giám sát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, phù hợp với các quy định Pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế.



*"Tổng doanh thu dịch vụ bán hàng miễn thuế năm 2018 đạt 102,525 tỷ đồng, chiếm 24,20% trong cơ cấu tổng doanh thu năm 2018."*



Hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế của NASCO tại Sân bay Nội Bài trong năm gặp nhiều khó khăn do hạn chế về lợi thế vị trí kinh doanh và sự gia tăng cạnh tranh thương mại: Vị trí cửa hàng miễn thuế xuất cảnh xa khu vực trung tâm của Nhà ga Quốc tế T2, cạnh tranh với cửa hàng miễn thuế của Cảng HKQT Nội Bài (Các quầy hàng mang tên NIA DUTY FREE được đặt tại vị trí trung tâm của nhà ga) và quầy hàng miễn thuế Jalux Taseco Duty Free của Công ty TNHH hàng miễn thuế Jalux – Taseco ngày càng mở rộng và lớn mạnh. Mặt khác điều kiện kinh doanh đối với lĩnh vực này ngày càng thắt chặt do đó doanh thu chưa đạt được như kỳ vọng.

Trong năm 2019 và những năm tiếp theo, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn: Công ty sẽ nghiên cứu, triển khai áp dụng thực tế các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng kịp thời sự thay đổi nhu cầu và phong cách tiêu dùng của Khách hàng tại CHKQTNB, khắc phục hạn chế về vị trí kinh doanh; Tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả của Công ty; phù hợp với định hướng của Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

### Kinh doanh dịch vụ

*"Doanh thu lớn nhất đến từ hoạt động nhà hàng, phòng khách hạng thương gia với 239,02 tỷ đồng, chiếm 56,42% tổng doanh thu năm 2018."*



Phòng khách Bông Sen quốc tế và Nội địa: Với trên 20 hãng Hàng không hiện đang sử dụng dịch vụ Phòng chờ hạng thương gia tại sân bay Nội Bài, NASCO đang cung cấp dịch vụ Phòng chờ đạt tiêu chuẩn từ 4 đến 5 sao đáp ứng nhu cầu của các hãng hàng không, các tổ chức, các tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Phòng chờ sang trọng, tầm nhìn trải rộng ra khu vực sân đỗ tàu bay với Hệ thống trang thiết bị phục vụ hiện đại, dịch vụ tiện ích như: Hệ thống ghế Massage thư giãn; Phòng hút thuốc riêng biệt; Hơn 40 loại đồ uống bao gồm cả các loại rượu mạnh, rượu vang và cocktail; Đồ ăn Buffet Á, Âu, đồ ăn kiêng... với nhiều sự lựa chọn đa dạng, phong phú; Các loại trái cây tươi theo mùa; Hệ thống máy tính tốc độ cao có kết nối Internet, Free Wifi; Hơn 20 ấn phẩm báo chí, tạp chí trong nước và quốc tế với các ngôn ngữ Việt, Anh, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, ...; Hệ thống truyền hình giải trí hiện đại; Khu vực trang bị máy photocopy, máy fax, scan, máy in...; Phòng tắm tiện nghi; Có tủ treo áo khoác, giá để hành lý.

Nhà Hàng Quốc Tế tại tầng 3 khu vực cách ly quốc tế, đối diện cửa ra tàu bay số 20: Nhà hàng Quốc tế được nhiều khách Quốc tế biết đến với thực đơn phong phú bao gồm các món ăn từ các nền văn hóa trên thế giới như: Cơm thịt bò cà ry, Mì Udon, ... Trong đó nổi bật và được nhiều khách hàng đánh giá cao là các món ăn Nhật Bản như Kake soba (Mỳ đen Nhật ăn nóng), ... Ngoài ra, Nhà hàng Quốc tế của NASCO chuyên phục vụ khách chậm, nhờ chuyển của các Hãng hàng không với hình thức phục vụ tại Nhà hàng hoặc ngay tại cửa ra máy bay theo yêu cầu.

Nhà hàng Sen Vàng: Nằm ngay trung tâm khu vực công cộng tầng 3 Nhà ga T1, Nhà hàng Sen Vàng phục vụ đồng thời 150 khách.

Nhà hàng NASCO: Ở giữa trung tâm khu vực công cộng tầng 4 Nhà ga T1, Nhà hàng NASCO với thiết kế hiện đại, sang trọng phục vụ đồng thời 150 khách. Đến với Nhà hàng, Quý khách sẽ lựa chọn những thực đơn phong phú với giá cả phù hợp, có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Từ những món ăn thuần Việt đặc trưng như Bún riêu cua bắp bò, Phở gà, Cơm thịt kho tàu, Cơm gà rang... đến những món ăn nổi tiếng của các nước trên Thế giới như: Gỏi cuốn, Sushi, Hải sản sốt Tứ Xuyên ... Nhà hàng có khu vực Phòng VIP dành riêng cho 20 thực khách hoặc làm phòng họp tại Sân bay Quốc tế Nội Bài...

Năm 2018, doanh thu dịch vụ phục vụ khách hạng thương gia tăng cao và Công ty được điều chỉnh tăng giá phục vụ khách hạng thương gia đối với khách Skyteam từ 430.000 đồng/khách lên 508.200 đồng/khách. Các dự án hợp tác kinh doanh với các đối tác: VP Bank, Món Huế, Go Japan triển khai đúng kế hoạch góp phần nâng cao hiệu quả SXKD. Đồng thời, lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài nói chung và lượng khách của VNA qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao so với cùng kỳ năm trước. Năm 2018, tốc độ tăng trưởng hành khách qua Cảng HKQT Nội Bài ước tính tăng 8,26% so với cùng kỳ năm 2017.



# C1. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

## Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

### Các dịch vụ khác

Ngoài những sản phẩm dịch vụ chính, doanh thu của công ty mẹ đến từ dịch vụ khác như: Đóng gói hành lý, dịch vụ đón tiễn khách VIP/CIP tại sân bay Nội Bài, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng,... đem lại tổng doanh thu hơn 4 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 2017.

Bằng các biện pháp điều hành linh hoạt và điều tiết chi phí hợp lý, Công ty mẹ vẫn đạt vượt mức kế hoạch lợi nhuận được giao (đạt 101,19% kế hoạch năm 2018) và tăng 29,79% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

Kết quả SXKD của các công ty mà NASCO có vốn góp trong năm 2018 vẫn đang báo lỗ nên ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình SXKD của NASCO



## Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con: Năm 2018, Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco đã có tăng trưởng khá tốt trong hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng hóa với tổng doanh thu năm 2018 là 105,802 tỷ đồng, tăng hơn 69,72 tỷ đồng (tương ứng tăng 81,08% so với kết quả năm 2017). (Theo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2018). Tuy nhiên, NASCO vẫn phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco tại ngày 31/12/2018 số tiền trị giá: 3.011.107.840 đồng.

Công ty liên kết: Tại ngày 31/12/2018, NASCO phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam với số tiền là: 611.340.811 đồng, tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty trong tổng số lỗ trên báo cáo kết quả kinh doanh cùng kỳ tương ứng của Công ty liên kết.



## Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài hợp nhất năm 2018 của Công ty và công ty con (CTCP Giao nhận hàng hóa Nasco) là 573,83 tỷ đồng, doanh thu hợp nhất bao gồm doanh thu nội bộ theo kế hoạch là 603,62; đạt 91,71% so với kế hoạch năm và tăng 9,16% so với năm 2017.

Lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất của NASCO là 29,433 tỷ đồng, đạt 87,43% so với kế hoạch năm, đồng thời tăng 36,66% so với năm 2017.

Tổng chi phí năm 2018 của Công ty mẹ NASCO là 412,105 tỷ đồng, đạt 89,70% so với kế hoạch năm 2018, đồng thời, tăng 49,22% so với kết quả thực hiện năm 2017. Trong đó:

Chi phí giảm theo tốc độ giảm của doanh thu bao gồm: Chi phí vốn hàng, chi phí nhượng quyền kinh doanh và chi phí về hoa hồng môi giới, cụ thể:

Chi phí	Năm 2018	Năm 2017	% Tăng/Giảm
Giá vốn hàng bán Công ty mẹ	189,83	194,60	-2,45%
Chi phí nhượng quyền kinh doanh	0,38	0,66	-42,90%
Chi phí hoa hồng môi giới	0,54	0,57	-5,04%

Chi phí thuê mặt bằng các điểm kinh doanh tại nhà ga T2 và nhà ga T1 sau khi cải tạo lại do tăng đơn giá thuê từ 01/12/2017 và phát sinh chi phí thuê mặt bằng tại các điểm kinh doanh mới nhà ga T1.

Tăng các chi phí đầu vào khác như: Chi phí nguyên nhiên vật liệu, Chi phí báo chí tài liệu,...

Tăng chi phí cho người lao động như: Chi phí tiền lương, các loại bảo hiểm liên quan đến người lao động. Chi phí trang phục, khám sức khỏe,...

Chi phí khấu hao tăng lên do trong năm Công ty đã đầu tư xây dựng cải tạo và đưa vào khai thác các điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1; đầu tư mua sắm thêm máy móc, thiết bị, dụng cụ và các phương tiện vận tải hành khách (02 xe chuyên dụng phục vụ chở khách trong sân đỗ tàu bay, 01 tuyến xe thay thế...); thanh lý nhượng bán một số máy móc, phương tiện vận tải đã cũ, hỏng, xuống cấp. Do đó, làm tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình.

Hoạt động đầu tư hợp tác mở rộng thị phần kinh doanh kéo theo làm gia tăng chi phí hoạt động. Do đó, Công ty luôn chủ động tiến hành các biện pháp quản lý chi phí hợp lý và tiết kiệm.

Chi phí hoạt động tài chính tăng cao so với kế hoạch do Công ty phải trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính và chênh lệch tỷ giá trong thanh toán.



## Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Hoàn thành và đưa vào khai thác các điểm kinh doanh mới tại nhà ga hành khách T1 sau khi cải tạo.

Đưa vào khai thác dự án hợp tác kinh doanh dịch vụ phục vụ khách hạng thương gia với ngân hàng VP Bank.

Hợp tác kinh doanh với Chi nhánh Công ty TNHH Món Huế.



## C2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



### Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
	Năm 2018	Năm 2017	% Tăng/giảm so với năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	% Tăng/giảm so với năm 2017
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>113.989,63</b>	<b>95.741,91</b>	<b>19,06%</b>	<b>139.767,71</b>	<b>121.907,76</b>	<b>14,65%</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	59.420,08	49.123,61	20,96%	64.869,75	51.702,93	25,47%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	47.069,64	37.548,62	25,36%	64.840,29	58.197,87	11,41%
IV. Hàng tồn kho	6.771,28	8.957,88	-24,41%	6.966,67	8.961,14	-22,26%
V. Tài sản ngắn hạn khác	728,63	111,80	551,73%	3.091,00	3.045,81	1,48%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>161.710,61</b>	<b>167.659,96</b>	<b>-3,55%</b>	<b>201.853,28</b>	<b>208.449,12</b>	<b>-3,16%</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	1.128,63	1.110,75	1,61%	1.839,62	1.212,47	51,72%
II. Tài sản cố định	95.346,60	101.520,99	-6,08%	98.463,37	106.307,36	-7,38%
III. Tài sản dở dang dài hạn	112,17	1.028,85	-89,10%	488,75	1.715,89	-71,52%
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	62.072,24	62.646,82	-0,92%	97.363,35	97.580,95	-0,22%
V. Tài sản dài hạn khác	3.050,97	1.352,56	125,57%	3.698,19	1.632,46	126,54%
<b>Tổng cộng Tài sản</b>	<b>275.700,24</b>	<b>263.401,87</b>	<b>4,67%</b>	<b>341.620,99</b>	<b>330.356,88</b>	<b>3,41%</b>
<b>TSNH/ Tổng TS</b>	<b>41,35%</b>	<b>36,35%</b>	<b>5,00%</b>	<b>40,91%</b>	<b>36,90%</b>	<b>4,01%</b>

#### Nhận xét:

Tổng tài sản Công ty mẹ năm 2018 đạt 275.700,24 triệu đồng, tương ứng tăng 4,67% so với năm 2017; Tổng tài sản Hợp nhất Công ty năm 2018 đạt 341.620,99 triệu đồng, tăng 3,41% so với năm 2017. Chủ yếu là do tăng tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn có xu hướng giảm do thanh lý, nhượng bán những TSCĐ đã hết niên hạn sử dụng. Trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn của Công ty chiếm khoảng 40%. Cụ thể:

Tài sản ngắn hạn trên Báo cáo Công ty mẹ đạt 113.989,63 triệu đồng, tăng 19,06% so với năm trước; trên Báo cáo Hợp nhất Công ty, tài sản ngắn hạn năm 2018 đạt 139.767,71 triệu đồng, tăng 14,65% so với năm 2017. Trong đó:

Tại ngày 31/12/2018, giá trị các khoản tiền gửi của NASCO có kỳ hạn từ 01 – 03 tháng tại ngân hàng Techcombank tăng mạnh so với đầu năm, tương đương 40 tỷ đồng.

Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tăng mạnh do áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt nhằm tăng trưởng doanh thu và thị phần.

Công ty cũng quản lý chặt chẽ số lượng hàng tồn kho, đảm bảo không bị ứ đọng vốn, giảm thiểu chi phí lưu kho; áp dụng chính sách chiết khấu thương mại nhằm đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn, tăng tính thanh khoản và hạn chế lượng vốn bị chiếm dụng; trích lập dự phòng phải thu dài hạn khó đòi tỷ lệ 100% với Hãng hàng không Indo China.

## C2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình nguồn vốn



Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
	Năm 2018	Năm 2017	% tăng/ giảm so với năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	% tăng/ giảm so với năm 2017
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>124.860,48</b>	<b>116.173,86</b>	<b>7,48%</b>			<b>5,82%</b>
I. Nợ ngắn hạn	88.939,99	80.609,35	10,33%	98.934,89	93.266,56	6,08%
II. Nợ dài hạn	35.920,49	35.564,51	1,00%	37.578,50	35.735,48	5,16%
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>150.839,76</b>	<b>147.228,02</b>	<b>2,45%</b>			<b>1,86%</b>
I. Vốn góp của chủ sở hữu	83.157,64	83.157,64	-	83.157,64	83.157,64	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	67.684,93	64.073,19	5,64%	65.291,77	61.169,22	6,74%
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>275.700,24</b>	<b>263.401,88</b>	<b>4,67%</b>			<b>3,41%</b>
<b>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</b>	<b>45,29%</b>	<b>44,11%</b>	<b>1,18%</b>	<b>39,96%</b>	<b>39,05%</b>	<b>0,91%</b>
<b>Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>82,78%</b>	<b>78,91%</b>	<b>3,87%</b>	<b>66,56%</b>	<b>64,07%</b>	<b>2,49%</b>

#### Nhận xét:

Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn của Công ty trong năm 2018 duy trì ở mức an toàn, 45% tại Công ty mẹ và gần 40% theo báo cáo hợp nhất Công ty. Trong đó:

Nợ ngắn hạn Công ty mẹ chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 71,23% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty mẹ năm 2018, tăng 10,33% so với 2017. Trong đó, chủ yếu là các khoản phải trả ngắn hạn cho các đối tác kinh doanh của NASCO với hơn 34 tỷ đồng, giảm 14,5% so với năm 2017; Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm 2018 là 16,688 tỷ đồng, tăng 40,25% so với năm trước; tăng quỹ lương và phúc lợi cho người lao động.

Nợ dài hạn tại Công ty mẹ trong năm có xu hướng tăng nhưng không đáng kể. Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (NASCO) luôn chú trọng công tác quản lý, cân đối cơ cấu nguồn vốn; giảm thiểu chi phí, rủi ro tài chính; đảm bảo tính thanh khoản và huy động mọi nguồn lực để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho quá trình sản xuất và kinh doanh.

Quy mô vốn chủ sở hữu trong năm có biến động tăng nhẹ, khoảng 2,45% so với năm 2017. Trong đó:

Kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 113,16 tỷ đồng trong năm 2018 chưa được Hội đồng quản trị thông qua và thực hiện. Vốn chủ sở hữu Công ty mẹ tăng lên chủ yếu là do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong năm 2018, mặc dù Công ty chưa hoàn thành được kế hoạch về doanh thu nhưng đã hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu về lợi nhuận, đạt 101,19% so với kế hoạch 2018, tăng 29,7% so với cùng kỳ năm 2017.

Qua đánh giá cơ cấu nguồn vốn của Công ty cho thấy, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài luôn được đảm bảo với mức độ tự chủ tài chính ở mức an toàn và hợp lý; thanh toán kịp thời các khoản công nợ phải trả đến hạn kịp thời. Năm 2018, Công ty không phát sinh các khoản nợ xấu.



### C3. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

#### Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

Công ty tập trung đầu tư phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu:

Về chiều rộng: Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh lĩnh vực hiện có của NASCO có khả năng phát triển như: Thay thế, đầu tư thêm phương tiện vận tải hành khách phục vụ vận chuyển CB-CNV, vận chuyển xe tuyến, phòng chờ hạng Thương gia đạt tiêu chuẩn 5\*.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý.

Đầu tư theo chiều sâu: Đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Tích cực ứng dụng công nghệ mới vào quy trình sản xuất, cung ứng dịch vụ và quản lý hoạt động kinh doanh hiệu quả.

#### Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường công tác đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo, chú trọng công tác đào tạo và đào tạo nâng cao: Chú trọng công tác quy hoạch cán bộ để có đội ngũ cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.

Đánh giá thường xuyên về nguồn lực con người để sắp xếp và phân bổ lao động có hiệu quả nhất. Xem xét việc cơ cấu lại hoạt động lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả, từ đó điều chỉnh lại chính sách lao động tại các điểm kinh doanh một cách hợp lý, hiệu quả.

Nâng cao quỹ tiền lương, thu nhập bình quân và các chế độ phúc lợi cho NLĐ như: tăng chi phí về trang phục bảo hộ lao động, chi phí nghỉ mát, chi phí khám sức khỏe.

#### Nâng cao chất lượng công tác quản lý

Tăng cường quản công tác quản lý chất lượng theo hệ thống ISO 9001-2015

Duy trì chương trình 5S của Công ty

Hoàn thiện quy trình làm việc, nhiệm vụ cụ thể, giao chỉ tiêu đến từng bộ phận, cá nhân để nâng cao tính chủ động của đơn vị, cá nhân trong hoạt động kinh doanh;

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty; tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy, định mức của Công ty tại đơn vị.

Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thống kê báo cáo.

### C4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Giữ vững và phát triển thị phần những lĩnh vực kinh doanh chính tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài: Dịch vụ vận tải hành khách, kinh doanh hàng miễn thuế, phòng chờ hạng thương gia và kinh doanh nhà hàng – ăn uống.

Nghiên cứu thị trường để triển khai một số loại hình kinh doanh mới, thu hẹp những lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; thiết kế sản phẩm – dịch vụ mới; nghiên cứu mở rộng kinh doanh ra ngoài thị trường truyền thống; đẩy mạnh công tác thị trường, xây dựng tinh chuyên nghiệp; tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá truyền thông các loại hình dịch vụ của Công ty.

Đối với Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO: Phát triển mở rộng mạng lưới dịch vụ chuyển phát hàng hóa, liên kết với các đối tác nước ngoài để nối dài dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế. Triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng các nhà ga hàng hóa tại khu vực sân bay Quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất.


Đối với Công ty Cổ phần Taxi NASCO: Mở rộng kinh doanh dịch vụ Taxi tại nội thành Hà Nội và khu vực lân cận, dịch vụ đưa đón khách VIP..

Tăng cường công tác giám sát chất lượng dịch vụ: Kiểm soát chặt chẽ các khoản mục chi phí lớn (chi phí nguyên, nhiên liệu, vật tư, vốn hàng,...); tiết kiệm triệt để chi phí gián tiếp. Nâng cao công tác quản trị chi phí, thường xuyên rà soát, hoàn thiện các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật, hệ thống định lượng tại các Nhà hàng; tăng cường thực hành tiết kiệm; thực hiện nghiêm chỉnh các định mức kinh tế - kỹ thuật và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành; đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng.

Quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp khác, đảm bảo hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn.







## **D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- D1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**
- D2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**
- D3. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2019**
- D4. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN**



## D1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## D2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ



### Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	KH 2018	Thực hiện		Tăng trưởng %	
		2018	2017	So với KH	So với 2017
<b>A. Công ty mẹ</b>					
Tổng doanh thu (không bao gồm doanh thu nội bộ)	458,00	441,14	449,17	96,32%	98,21%
Lợi nhuận sau thuế	26,23	26,32	21,34	100,34%	123,34%
Cổ tức	21,5 tỷ đồng (tương ứng 19% VDL)		19,96 tỷ đồng (tương ứng 24% VDL)		
<b>B. Hợp nhất Công ty</b>					
Tổng doanh thu và thu nhập khác (không bao gồm doanh thu nội bộ)	627,68	573,36	575,29	91,34	99,66%
Lợi nhuận sau thuế	26,234	26,458	21,337	100,85%	124%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Nghìn đồng)	2,579	3,226	2,338	125,09%	137,98%

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc. Năm 2018, Công ty đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao và đạt kết quả tốt (lợi nhuận trước thuế đạt 101,19% so với kế hoạch). Vốn và tài sản Công ty được bảo toàn và phát triển. Hiệu quả vốn chủ sở hữu đạt mức khá cao (tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ là 32,26%) vượt mức kế hoạch đề ra (23,18%). Mặc dù gặp khó khăn từ: Sự cạnh tranh gay gắt trong hoạt động dịch vụ thương mại và nhà hàng ăn uống và chuyển phát; Sự sụt giảm doanh thu trong lĩnh vực đại lý bán vé máy bay do sự phát triển của lĩnh vực thương mại điện tử; Sự thay đổi của xu hướng tiêu dùng.

Ban điều hành đã hết sức linh hoạt và chủ động, huy động tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn vốn để đầu tư mua sắm và cải tạo cơ sở vật chất và mở rộng quy mô hoạt động; nỗ lực để vận hành hiệu quả và duy trì mức tăng trưởng ổn định. Ban điều hành thường xuyên tổ chức các cuộc họp, phân công công việc, hỗ trợ lẫn nhau; trao đổi trực tiếp với Hội đồng Quản trị để có hướng chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời, yêu cầu các phòng tham mưu Công ty tìm tòi nhiều giải pháp cho hoạt động kinh doanh, tổ chức thường xuyên các cuộc họp, lập báo cáo để phân tích đánh giá tình hình hoạt động của Công ty theo từng tháng, từng quý để ra những quyết định điều hành hợp lý.

### Về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định do ĐHQĐ năm 2018 và Hội đồng quản trị ban hành. Trong bối cảnh các chính sách quản lý của Nhà nước còn nhiều bất cập, mức độ cạnh tranh trong môi trường kinh doanh của Công ty ngày càng khốc liệt, Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đã luôn nhiệt huyết, nỗ lực làm việc, nhanh nhạy linh hoạt nắm bắt tình hình, nhanh chóng ra quyết định kịp thời hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHQĐ và Hội đồng quản trị giao phó, đảm bảo cao nhất lợi ích cho khách hàng, các cổ đông và người lao động.

Ban điều hành cũng thường xuyên xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư các dự án, tình hình tài chính..., giúp HĐQT nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty chỉ đạo Công ty hoạt động một cách hiệu quả theo kế hoạch đã đề ra.

### Đánh giá về các mặt hoạt động khác

Ban điều hành cũng luôn đặt nhân lực là một vấn đề thiết yếu cho sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty. Do đó, trong năm 2018, Công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo nghiệp vụ cho cả lao động trực tiếp và gián tiếp, đảm bảo người lao động có đủ trình độ tay nghề và đạt hiệu quả trong công việc. Bổ sung thêm lao động tại các điểm kinh doanh mới đưa vào hoạt động tại nhà ga T1, tăng quỹ lương, tăng thu nhập cho người lao động.

Ban điều hành xác định mục tiêu xuyên suốt là tiếp tục duy trì các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty, phát triển bền vững, đồng thời triển khai mở rộng, đa dạng hóa ngành nghề như đầu tư vào lĩnh vực vận chuyển hành khách trong sân đỗ máy bay, dịch vụ phòng khách Bông Sen, triển khai bán hàng miễn thuế tại sân bay,... và tăng cường hợp tác với các đối tác bên ngoài.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động marketing tất cả các lĩnh vực kinh doanh để thu hút thêm khách hàng, áp dụng các phần mềm, thiết bị hiện đại vào hoạt động quản lý làm cơ sở để ra quyết định chính xác, kịp thời.





## Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

### Đánh giá tình hình kinh doanh chung:

Cục Hàng không Việt Nam (HKVN) cho biết, trong năm 2018, sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không trên cả nước ước đạt 106 triệu lượt, tăng 12,9%; sản lượng hàng hóa ước đạt gần 1,5 triệu tấn, tăng 7,7% so với năm 2017.

Lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài nói chung và lượng khách của VNA qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính năm 2018 tốc độ tăng trưởng hành khách qua Cảng HKQT Nội Bài tăng 8,26% so với cùng kỳ năm 2017.

Nắm bắt được lợi thế đó, Công ty đã khai thác một cách hiệu quả nhất lợi thế đó để mang lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối khả quan cho Công ty.

### Hoạt động của Trung tâm Dịch vụ Hàng không:

Trong năm 2018, lĩnh vực kinh doanh chủ chốt của Trung tâm là kinh doanh dịch vụ phòng khách hạng Thương gia đạt mức tăng trưởng cao do sự tăng trưởng mạnh của lượng hành khách qua Cảng HKQT Nội Bài và Công ty được VNA chấp thuận tăng giá phục vụ khách hạng thương gia đối với khách Skyteam từ 430.000 đồng/khách lên 508.200 đồng/khách.

Công ty cũng đã tăng cường công tác tìm kiếm và hợp tác với các khách hàng là các Tập đoàn, Tổng công ty, các ngân hàng,... để phát triển dịch vụ này.

Các lĩnh vực khác của Trung tâm như: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh đại lý bán vé máy bay trong năm 2018 còn gặp nhiều khó khăn, doanh thu sụt giảm nghiêm trọng do sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trên địa bàn và thu hẹp quy mô do Cảng HKQT Nội Bài thu mặt bằng để cải tạo nhà ga T1, đồng thời, do sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử.

Một số điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 sau khi được cải tạo đã được đưa vào hoạt động trong năm 2018.

### Hoạt động của Trung tâm Dịch vụ Vận tải Ô tô Hàng không:

Năm 2018 các lĩnh vực kinh doanh của trung tâm đều có sự tăng trưởng so với năm 2017 đặc biệt là dịch vụ vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay.

Lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hành khách trong sân đỗ tàu bay tăng trưởng cao do sản lượng khách của VNA nói riêng và sản lượng khách qua Cảng HKQT Nội Bài nói chung tăng trưởng cao.

Lĩnh vực kinh doanh xe tuyến chờ CB-CNV đã đi vào ổn định, chất lượng dịch vụ được nâng lên và sản lượng vận chuyển tăng cao.

Ngoài khách hàng là CB-CNV của các đơn vị trực thuộc VNA, Công ty đã ký được nhiều hợp đồng với các Công ty khác hoạt động tại Khu vực Nội Bài như: ALS; AAL; ASG; ACSV;....

### Hoạt động của Trung tâm Thương mại Hàng không:

Mặc dù sản lượng khách qua Cảng HKQT Nội Bài trong năm 2018 tăng cao nhưng các lĩnh vực kinh doanh của Trung tâm trong năm qua gặp rất nhiều khó khăn.

Doanh thu của hầu hết các lĩnh vực đều giảm so với thực hiện năm trước.

Nguyên nhân chủ yếu là do vị trí kinh doanh không thuận lợi, xa trung tâm nhất là khi Cảng HKQT Nội Bài thu hồi mặt bằng cải tạo nhà ga T1, các đối thủ cạnh tranh tăng lên, cơ chế quản lý Nhà nước đối với các lĩnh vực kinh doanh có điều kiện ngày càng thắt chặt ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Trung tâm trong thời gian vừa qua.



## D3. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng		
STT	Chỉ tiêu kế hoạch	KH 2019
1	Vốn điều lệ	83.157,64
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	465.507
3	Tổng chi phí	433.970
4	Lợi nhuận trước thuế	31.540
5	Lợi nhuận sau thuế	28.150
6	Tỷ suất LNST/VĐL (tạm tính) (%)	33,85 %
7	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL (%)	23%
8	Tổng mức đầu tư trong năm	107.546

#### DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG NĂM 2019

Sản lượng hành khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài dự báo tăng tối thiểu 12% so với năm 2018 (Bao gồm cả khách Quốc tế và khách nội địa).  
Số lượt chuyển bay cất, hạ cánh tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài dự báo tăng 10% so với năm 2018.

### Đánh giá thị trường vĩ mô, ngành

Theo dự báo mới của IMF, nền kinh tế thế giới dự kiến tăng trưởng 3,9% năm 2018 và năm 2019 cao nhất trong vòng 7 năm qua.

Kinh tế vĩ mô trong nước dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,8% so với năm 2018 (Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 24/5/2018 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 2019);

Giá nhiên liệu 2018: có xu hướng tăng, dự kiến phương án giá nhiên liệu bay kế hoạch của VNA dao động quanh mức 90 USD/thùng – tăng 6,6% so với thực hiện 2018;

Lạm phát được dự báo ở quanh mức 4% theo mục tiêu của Chính phủ.

Thị trường vận tải Hàng không trong nước năm 2019 sẽ tiếp tục tăng so với năm 2018 nhưng sự tăng trưởng chưa vững chắc và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Thị trường Quốc tế: Năm 2019 dự báo đạt khoảng 33,9 triệu lượt, tăng trưởng 12% so với 2018;

Tăng trưởng hành khách của phân khúc hàng không truyền thống dự báo đạt 9,9%, phân khúc hàng không giá rẻ dự báo tăng trưởng chậm lại ở mức 15,7%.

Thị trường Nội địa: Khách vận chuyển tổng thị trường nội địa 2019 dự báo đạt 39,2 triệu lượt khách, tăng trưởng 17,3% so với UTH 2018, với giả định các hãng đều tiếp tục kiểm soát tải cung ứng để đảm bảo HQKT như đã triển khai trong năm 2017 và 2018; Việc hãng hàng không mới đi vào khai thác sẽ làm cho tình hình cạnh tranh ND tiếp tục ra tăng.

Thị trường vận tải hàng không của VNA dự báo tiếp tục tăng trưởng trong năm 2019: Khách vận chuyển dự kiến tăng 10,6% so với UTH 2018; trong đó QT tăng 9,3%; ND tăng 11%, thuê chuyển tăng 15,9%.

### Tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh trong năm 2019

Tổ chức lại hoạt động kinh doanh của các Nhà hàng, các bộ phận của các đơn vị đảm bảo kinh doanh có hiệu quả: Nghiên cứu, triển khai áp dụng thực tế các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại, hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng kịp thời sự thay đổi nhu cầu và phong cách tiêu dùng của khách hàng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, khắc phục hạn chế về lợi thế vị trí kinh doanh.

Áp dụng phương thức giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả hơn, nâng cao quyền tự chủ hơn đối với các nhà hàng, dần dần áp dụng rộng rãi tới các điểm kinh doanh khác để phù hợp tiến trình tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả của Công ty, phù hợp với định hướng của Tổng công HKVN-CTCP

Đối với Công ty Cổ phần Taxi NASCO: Mở rộng kinh doanh dịch vụ Taxi, minibus và các dịch vụ gia tăng khác như: dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ đưa đón khách VIP.

Đối với Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO: Phát triển mở rộng mạng lưới dịch vụ chuyển phát hàng hóa, liên kết với các đối tác nước ngoài để nối dài dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế. Triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng các nhà ga hàng hóa tại khu vực sân bay Quốc tế Nội Bài.

### Định hướng về đầu tư

Đầu tư cải tạo, mở rộng các điểm kinh doanh của Công ty tại khu vực nhà ga hành khách T1, T2 nhất là các điểm kinh doanh chủ chốt của Công ty.

Đầu tư thay thế trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh đặc biệt là các phương tiện phục vụ khách trong sân đỗ tàu bay.



## D4. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN HÀNG HÓA NASCO**

Tên giao dịch: **NASCO LOGISTICS., JSC**

Trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Tp. Hà Nội

Công ty Cổ phần giao nhận hàng hóa Nasco (Nasco Logistics) được chính thức thành lập vào ngày 01 tháng 03 năm 2016 sau khi tách khỏi Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (Nasco) thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines).

### Lĩnh vực kinh doanh:

Nasco Logistics hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực Logistics bao gồm: Giao nhận vận chuyển (Với thương hiệu Nasco Express hoạt động từ năm 1993), Kho hàng (Warehouse), Phân phối (Distribution) và Kết nối chuỗi cung ứng (Supplychain). 27 năm phát triển trong lĩnh vực chuyển phát, hơn 350 nhân sự, hoạt động chuyển phát của Công ty có mặt trên 63 tỉnh thành, với hơn 200 phương tiện vận chuyển, 3 chi nhánh tại Bắc – Trung – Nam với hơn 45 văn phòng đại diện trên toàn quốc.

Bao gồm các dịch vụ chủ yếu: Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước; Dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế: dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế tiết kiệm và thông thường, hàng nhập quốc tế,...; Dịch vụ gia tăng; Dịch vụ mới.

### Sứ mệnh – Tâm nhìn:

Với mục tiêu trở thành công ty Logistics hàng đầu tại Việt Nam, sứ mệnh của Nasco Logistics không chỉ đơn thuần là xây dựng một thương hiệu nổi tiếng mà thông qua đó chúng tôi mong muốn chia sẻ với cộng đồng những giá trị đích thực của mình cũng như góp phần vào sự phát triển của một đất nước Việt Nam đang ngày càng lớn mạnh.

### Nhiệm vụ:

Rút ngắn khoảng cách – Nối dài giá trị - Đa dạng hóa dịch vụ.

### Chiến lược:

Nâng cao chất lượng, kết nối, đa dạng hóa và phát triển.

### Giá trị cốt lõi:

*Khách hàng là trọng tâm phát triển:*

Nasco Logistics luôn đặt lợi ích và mong muốn của khách hàng lên hàng đầu. Khách hàng chính là trung tâm; là động lực để công ty phát triển các sản phẩm – dịch vụ hoàn hảo nhất.

*Nhanh chóng – Uy tín – Chuyên nghiệp:*

Nasco Logistics luôn cố gắng nỗ lực hết mình để cung cấp các giải pháp Logistics chuyên nghiệp cùng các dịch vụ chuyển phát nhanh nhất đảm bảo đúng và cao hơn các cam kết của mình với khách hàng, đối tác.

## Kết quả kinh doanh năm 2018 của CTCP Giao nhận hàng hóa Nasco

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (tỷ đồng)	Thực hiện 2018 (tỷ đồng)	% Thực hiện/ Kế hoạch
Doanh thu thuần	170,07	150,95	88,76%
Tổng chi phí	165,09	151,68	91,88%
Lợi nhuận gộp	4,99	-0,73	-14,63%
Nộp ngân sách	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4,99	-0,73	-14,63%







## **E. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**E1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**E2. BAN KIỂM SOÁT**

**E3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**

**E4. BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC**



# E1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Hoạt động của HĐQT trong năm 2018

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông: Lê Đức Cảnh	Chủ tịch	02	100%	
Ông: Vũ Đình Thủy	Thành viên	04	100%	
Bà: Hà Thị Thu Nga	Thành viên	04	100%	
Ông: Trần Việt Phương	Thành viên	02	100%	
Ông: Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	03	100%	

### Thay đổi thành viên HĐQT trong năm 2018

Bổ nhiệm ông Lê Đức Cảnh làm Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 11/09/2018, đồng thời, miễn nhiệm ông Tạ Thiên Long với chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

Bổ nhiệm ông Trần Việt Phương vào Hội đồng quản trị với cương vị Thành viên HĐQT, đồng thời thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Mạnh Quân thôi thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 11/09/2018.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018

HĐQT hoạt động theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2018, hoạt động của HĐQT tập trung vào:

- Định hướng và hoạt động của HĐQT trong năm 2018
- Theo dõi tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo của Ban điều hành
- Chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành các hoạt động của Công ty

- Thẩm định, phê duyệt các đề xuất kinh doanh của Ban điều hành.

Hoạt động của HĐQT được thể hiện qua các cuộc họp, các chỉ đạo thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định, phê duyệt các tờ trình.

Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban điều hành về các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra các chủ trương quyết sách phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc.

Hiện có 2 thành viên của HĐQT là Chủ tịch chuyên trách và TV HĐQT kiêm TGD tại Công ty, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp diễn ra được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.



## Hoạt động của HĐQT trong năm 2018

STT	Số công văn	Ngày ban hành	Nội dung Nghị quyết (các vấn đề cần thực hiện)
1	05/NQ-NASCO/HĐQT	04/01	Nghị quyết phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình các cửa hàng KD thương mại, dịch vụ tại Nhà ga T1
3	11/NQ-NASCO/HĐQT	10/01	Nghị quyết về việc Công ty ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho TCTHK và các đơn vị phụ thuộc của TCT năm 2018
4	13/NQ-NASCO/HĐQT	11/01	Nghị quyết phê duyệt PA kinh doanh theo phương thức hợp tác tại điểm KD tại khu công cộng cánh B – nhà ga T1
5	18/NQ-NASCO/HĐQT	16/01	Nghị quyết xây dựng bảng lương và phụ cấp trong Công ty năm 2018
6	21/NQ-NASCO/HĐQT	23/01	Nghị quyết phê duyệt chủ trương tăng cường thêm năng lực phương tiện phục vụ chở tuyến CBCNV (thuê phương tiện)
7	24/NQ-NASCO/HĐQT	31/01	Nghị quyết phê duyệt PA kinh doanh theo phương thức hợp tác tại điểm KD tại khu cách ly cánh D nhà ga T1
8	34/NQ-NASCO/HĐQT	02/03	Nghị quyết xác định quỹ lương thực hiện và trích bổ sung quỹ phúc lợi, khen thưởng do vượt chỉ tiêu KH lợi nhuận 2017
9	41/NQ-NASCO/HĐQT	09/03	Nghị quyết về chuyển xếp hệ số lương mới cho cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của hội đồng quản trị
10	45/NQ-NASCO/HĐQT	13/03	Nghị quyết phê duyệt KQ lựa chọn nhà thầu thi công XD và lắp đặt thiết bị thuộc DA các CH kinh doanh TMDV tại T1 và gia thầu
11	48/NQ-NASCO/HĐQT	13/03	Nghị quyết điều chỉnh thiết kế thi công và dự toán HM đầu tư các CH kinh doanh TMDV tại cánh A nhà ga T1
12	51/NQ-NASCO/HĐQT	13/03	Nghị quyết điều chỉnh một số ND tại PA và hợp đồng tại điểm KD tại khu công cộng cánh B tầng 1 nhà ga T1
13	54/NQ-NASCO/HĐQT	13/03	Nghị quyết triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
14	57/NQ-NASCO/HĐQT	28/3	NQ thông qua các nội dung tại phiên họp thứ 1 (2018)
15	61/NQ-NASCO/HĐQT	29/3	NQ phê duyệt các nội dung tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 tại các DN có vốn góp của NASCO
16	65B/NQ-NASCO/HĐQT	16/4	NQ thông qua ND tờ trình 535 về tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2018
17	77B/NQ-	23/4	NQ biểu quyết các nội dung tại ĐHĐCĐ 2018 NCTS
18	86/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ	26/4	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
19	88/NQ-NASCO/HĐQT	27/4	NQ phê duyệt các ND biểu quyết thông qua ND chuẩn bị họp ĐHĐCĐ 2 công ty con
20	90/NQ-NASCO/HĐQT	27/4	NQ đề cử người đại diện phần vốn góp tại Nasco Logistics
21	96/NQ-NASCO/HĐQT	04/05	NQ phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án mua 02 xe 45 chỗ
22	99/NQ-NASCO/HĐQT	04/05	NQ ban hành quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty
23	108/NQ-NASCO/HĐQT	14/5	NQ bố trí, sắp xếp và bổ nhiệm cán bộ cho Ban Thư ký công ty (bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh)



## E2. BAN KIỂM SOÁT

### Thông tin về thành viên ban kiểm soát

Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Bà: Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng ban	05	100%
Bà: Trần Kim Oanh	Thành viên	05	100%
Bà: Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên	05	100%

#### Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018

Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Kiểm tra và thẩm định Báo cáo sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm của Công ty.

#### Đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT; Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý của NASCO trong năm 2018, BKS chưa thấy có các dấu hiệu bất thường trong hoạt động quản trị, điều hành Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc.

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đúng trình tự, các biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị được triển khai và ban hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Về kết quả thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2018; HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 giao.

Thực hiện tốt khuyến cáo của Kiểm toán độc lập, Ban Kiểm soát và cơ quan quản lý thuế.

Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động của HĐQT: Nhất trí với báo cáo đánh giá của HĐQT. Tuy nhiên trong điều kiện kinh doanh của Công ty năm 2018 còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn đặc biệt là vấn đề cân đối vốn để hoạt động kinh doanh tại Công ty mẹ; giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh và mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo đời sống cho người lao động.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiều giải pháp để thực hiện mục tiêu của ĐHĐCĐ cũng như HĐQT giao; kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 vẫn vượt kế hoạch về lợi nhuận ròng, tổng mức chi trả cổ tức dự kiến năm nay là 19% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tình hình tài chính của Công ty vẫn đang gặp những khó khăn nhất định, có thể tiềm ẩn các rủi ro, đặc biệt là vấn đề về vốn nhằm đảm bảo hoạt động SXKD và đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

### Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019

- Kiểm tra, giám sát thông qua các cuộc họp của HĐQT, các phiên họp thông qua hình thức xin ý kiến của HĐQT theo nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS;
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, việc quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến HĐQT, quản lý cổ đông;
- Thẩm định BCTC, báo cáo kết quả SXKD định kỳ;
- Triển khai các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của HĐQT.

## E3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

### Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

Bộ phận	Lương, thưởng, thù lao năm 2018 (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2018	% so với kế hoạch
Ban Tổng Giám đốc	2.321,896	2.934,5	79,12
Hội đồng quản trị và BKS	633,040	627,12	100,94
Ban điều hành	346	375	92,3

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ: KHÔNG CÓ

Hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ: KHÔNG CÓ

### Thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:

Năm 2018, Công ty luôn tuân thủ quy định về quản trị Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản Luật và hướng dẫn thi hành khác có liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Công ty. Trong những năm tới, Công ty dự định sẽ phân công nhân sự chuyên trách về công tác quản trị, nhằm tăng cường công tác quản trị trong Công ty, đảm bảo việc cập nhật thông tin kịp thời, đầy đủ, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.





# F. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

F1. NHỮNG TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

F2. NHỮNG TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG





# F1. NHỮNG TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

## Tiết kiệm năng lượng

Công ty sử dụng điện năng cho quá trình hoạt động kinh doanh với mức hơn 112 nghìn KW/năm chủ yếu cho hoạt động tại trụ sở Công ty, phục vụ tại các điểm kinh doanh tại nhà Ga T1, T2 và một số vị trí khác. Tại các địa điểm kinh doanh và văn phòng của Công ty đều được sử dụng các bóng đèn và trang thiết bị tiết kiệm điện theo tiêu chuẩn, điều hòa nhiệt độ đáp ứng tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính hiện nay và thực hiện thay mới khi các thiết bị hết hạn sử dụng. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp.

Do Công ty có hoạt động dịch vụ vận chuyển hành khách, do đó nhu cầu sử dụng xăng, dầu của Công ty là khá lớn với mức khoảng ....nghìn lít xăng dầu trong năm. Công ty luôn đảm bảo tiêu chuẩn khí thải tại các phương tiện vận tải mà Công ty sử dụng để vận chuyển khách, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện nhằm tối thiểu ảnh hưởng của khí thải đến môi trường, các phương tiện mua mới đều đạt được các quy định về khí thải theo tiêu chuẩn quốc tế.



## Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước dùng cho các hoạt động tại trụ sở Công ty, các phòng khách hạng thương gia và cửa hàng thương mại, ăn uống giải khát tại Cảng hàng không Nội Bài khoảng 27,5 nghìn m<sup>3</sup>/năm. Nước thải được xử lý theo quy định, không thải ra môi trường khi chưa được xử lý. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước uống cho cán bộ, công nhân viên cũng được Công ty quan tâm và chú trọng. Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty luôn có trách nhiệm thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công nhân viên tiết kiệm nước sinh hoạt và nước uống. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp.

## Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường là rất cần thiết. Công ty đã triển khai nhiều biện pháp khác nhau. Cụ thể như:

Tuyên truyền đến cán bộ công nhân viên giữ gìn vệ sinh nơi làm việc và cảnh quan Công ty (sắp xếp hồ sơ, tài liệu gọn gàng, bỏ rác đúng chỗ, hút thuốc lá đúng nơi quy định,...) giữ gìn cảnh quan chung của Công ty, tham gia bảo vệ môi trường tại địa phương.

Bố trí văn phòng làm việc, ngăn nắp, hợp lý, nhiều ánh sáng tự nhiên góp phần giảm năng lượng tiêu thụ điện năng.

Trụ sở Công ty có diện tích rộng, do đó, Công ty đã và đang trồng thêm cây xanh quanh trụ sở, góp phần làm cho môi trường ngày càng thân thiện với môi trường.

Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nguyên liệu, tăng cường tái chế và sử dụng vật liệu có thể tái chế.

Ký hợp đồng các đơn vị có chức năng xử lý rác thải, chất thải để xử lý các chất thải và rác thải của Công ty trong quá trình hoạt động để đảm bảo vệ sinh, hạn chế ô nhiễm môi trường.

# F2. NHỮNG TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG

## Các chính sách liên quan đến người lao động



### Chế độ làm việc:

Người lao động làm việc không quá 8 tiếng trong 1 ngày, không quá 48 giờ trong 1 tuần. Theo yêu cầu nhiệm vụ, người sử dụng lao động có quyền bố trí giờ làm việc theo ca kíp hoặc giờ hành chính tùy thuộc tình hình thực tế của từng đơn vị trong Công ty và bố trí nghỉ hàng tuần vào các ngày trong tuần.

### Thời giờ làm việc cụ thể:

Giờ hành chính áp dụng đối với người lao động làm các công việc gián tiếp (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần): Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 45 phút; Chiều từ 13 giờ đến 16 giờ. Giờ ca, kíp áp dụng đối với người lao động làm việc ở các bộ phận trực tiếp kinh doanh, hỗ trợ phục vụ theo chế độ ca làm việc theo ngày tùy theo đặc điểm, tính chất và yêu cầu công việc cụ thể.

Đối với những người làm các công việc đặc thù thì không áp dụng thời gian quy định trên đây: Lái xe, tạp vụ, bảo vệ, nhân viên giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không, thủ kho, nhân viên mua hàng,... thì thời gian làm việc được thực hiện theo sự phân công của cán bộ quản lý trực tiếp trên cơ sở định mức lao động đã được người sử dụng quyết định. Người lao động có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm ca đêm hoặc đi công tác xa khỏi đơn vị từ 02 ngày trở lên với bán kính trên 50km.

### Điều kiện lao động:

Những người lao động do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và được thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật. Cơ sở vật chất hiện có của Công ty tiện nghi, hiện đại, môi trường tích cực, sôi nổi.





## F2. NHỮNG TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG

### Một số hoạt động nổi bật cho người lao động trong năm 2018

#### HOẠT ĐỘNG CỦA NỮ CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG NASCO NHÂN DỊP KỶ NIỆM NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 08/3

Nhân dịp kỷ niệm 108 năm ngày quốc tế phụ nữ (08/03/1910-08/03/2018) và 1978 năm cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài đã tổ chức cho 82 nữ cán bộ, công nhân lao động thuộc Ban Nữ công và đại diện chị em phụ nữ đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị và Trung tâm trong Công ty đi thăm quan, học tập tại khu di tích lịch sử Đền Hùng thuộc thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, nơi đã thờ các vua Hùng có công dựng nước.



#### CÔNG TY NASCO CHĂM SÓC CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DỊP TẾT MẬU TUẤT 2018

Để chuẩn bị đón một mùa xuân mới Xuân Mậu Tuất 2018 thật ấm áp và mang nhiều ý nghĩa. Đảng ủy, Ban lãnh đạo Công ty, BCH Công đoàn cơ sở Công ty CP Dịch vụ HK sân bay Nội Bài (NASCO) đã trích kinh phí từ quỹ Tình nghĩa xã hội của Công ty để triển khai nhiều hoạt động thiết thực, quan tâm đến các đối tượng chính sách và cán bộ, công nhân lao động đang làm việc tại Công ty.



#### NASCO TỔ CHỨC KHEN THƯỞNG CHO CÁN BỘ-CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG ĐẠT THÀNH TÍCH XUẤT SẮC NĂM 2017

Để chuẩn bị đón một mùa xuân mới Xuân Mậu Tuất 2018 thật ấm áp và mang nhiều ý nghĩa. Đảng ủy, Ban lãnh đạo Công ty, BCH Công đoàn cơ sở Công ty CP Dịch vụ HK sân bay Nội Bài (NASCO) đã trích kinh phí từ quỹ Tình nghĩa xã hội của Công ty để triển khai nhiều hoạt động thiết thực, quan tâm đến các đối tượng chính sách và cán bộ, công nhân lao động đang làm việc tại Công ty.



#### NASCO THAM GIA GIẢI BÓNG ĐÁ CÚP "ĐOÀN KẾT"

Nhận lời mời của Ủy ban Trung ương Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam tổ chức giải Cúp "Đoàn kết" lần thứ 4, chào mừng 62 năm ngày truyền thống Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (15/10/1956- 15/10/2018). Ngày 21/10/2018, Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) đã tổ chức cho Đội bóng đá của Công ty tham dự giải và tài trợ để tổ chức góp phần vào sự thành công của giải.

#### NASCO TỔ CHỨC ĐÀO TẠO AN NINH HÀNG KHÔNG CHO NHÂN VIÊN LÀM VIỆC TẠI NHÀ GA HÀNH KHÁCH T1 VÀ T2

Để người lao động thuộc đối tượng phải có chứng chỉ An ninh hàng không đang và thường xuyên tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh và trực tiếp tiếp xúc với khách hàng có đủ điều kiện làm việc tại Nhà ga hành khách T1 và T2-Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài, trong thời gian từ ngày 13/ 11/2018 đến 23/11/2018, Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) đã tổ chức được 8 lớp học, mỗi lớp học 01 ngày cho 427 người lao động đã được đào tạo kiến thức An ninh hàng không năm 2015 và được cấp chứng chỉ có giá trị trong 03 năm theo quy định, đến nay chứng chỉ đã hết hạn.



#### NASCO THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN NĂM 2018

Thực hiện quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, đồng thời nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như giúp cán bộ, công nhân viên xử lý kịp thời, nhanh nhạy và hiệu quả với các tình huống khi có sự cố về cháy nổ xảy ra. Ngày 11/12/2018, Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) đã triển khai thực tập phương án chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 tại khu Xưởng sửa chữa các loại phương tiện vận tải ô tô thuộc Trung tâm Dịch vụ vận tải ô tô hàng không theo kế hoạch, kịch bản đã xây dựng và được Sở cảnh sát PCCC thành phố Hà Nội phê duyệt.





## F2. NHỮNG TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG

### Trách nhiệm với địa phương

Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động từ thiện đối với các cá nhân là thương binh, thân nhân gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công với đất nước, có hoàn cảnh khó khăn và các tổ chức từ thiện tại địa phương nơi Công ty trú đóng.

### Một số hoạt động nổi bật trong năm 2018

#### ĐOÀN THANH NIÊN NASCO TỔ CHỨC “ĐÊM TRUNG THU CHO EM”

Thực hiện kế hoạch hoạt động công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2018. Tối ngày 23/9/2018 tại Công viên nước Hồ Tây thuộc quận Tây Hồ- Thành phố Hà Nội, Ban chấp hành Đoàn thanh niên Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) đã tổ chức chương trình “TRUNG THU CHO EM” với hơn 200 cháu thiếu nhi là con cán bộ, công nhân viên đang công tác tại Công ty cùng chung vui.

Đồng chí Trần Việt Phương- Bí thư Đảng ủy, ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã tham dự và phát biểu động viên các cháu thiếu nhi trong đêm Trung thu.



#### HOẠT ĐỘNG TRI ÂN KỶ NIỆM 71 NĂM NGÀY THƯƠNG BINH- LIỆT SỸ

Kỷ niệm 71 năm ngày Thương binh- Liệt sỹ (27/7/1947- 27/7/2018), Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) đã tổ chức nhiều hoạt động tri ân mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc.

Thay mặt cho tập thể cán bộ, công nhân lao động trong Công ty, đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, Ban nữ công và cơ quan Văn phòng Đảng - Đoàn thể đã về thăm tặng quà, trao tiền phụng dưỡng 6 tháng cuối năm 2018 cho các Mẹ Việt Nam Anh hùng do Công ty trực tiếp phụng dưỡng tại các xã Đông Xuân, Đông Tân thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; thấp hương cho 02 Mẹ Việt Nam Anh hùng do Công ty phụng dưỡng đã qua đời tại huyện Đông Hưng- Thái Bình.

Cùng với các hoạt động tri ân đó, ngày 25/7/2018, Công ty đã tổ chức chương trình gặp mặt các đồng chí cán bộ, công nhân lao động là thân nhân gia đình liệt sỹ, các đồng chí Thương binh hiện đang công tác tại Công ty. BCH Đoàn thanh niên Công ty đã đến đặt vòng hoa, dâng hương kính viếng Linh hồn các Anh hùng Liệt sỹ tại nghĩa trang Liệt sỹ các xã Mai Đình, Phú Minh, Phú Cường thuộc huyện Sóc Sơn, đồng thời cùng với huyện Đoàn Sóc Sơn phối hợp với Liên cơ sở Đoàn khu vực Nội Bài thấp nến tri ân “Nhớ về cội nguồn” tưởng niệm các Anh hùng Liệt sỹ tại nghĩa trang Liệt sỹ xã Hiền Ninh- Sóc Sơn- Hà Nội. Tính đến hết tháng 7 năm 2018, Công ty NASCO đã tổ chức và thực hiện các hoạt động tình nghĩa với tổng số tiền gần 100.000.000 đồng được trích từ Quỹ Tình nghĩa- Xã hội của Công ty để tri ân đối với các Mẹ Việt Nam Anh hùng, các thân nhân gia đình liệt sỹ, các đồng chí Thương binh và các gia đình chính sách trong Công ty cũng như của huyện Sóc Sơn, đây là hoạt động thường niên thể hiện nét đẹp và đạo lý “Uống nước, nhớ nguồn” của Công ty NASCO.







## G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2018

- G1. Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN
- G2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
- G3. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
- G4. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- G5. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH





MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 11/09/2018
Ông Tạ Thiên Long	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 11/09/2018
Ông Trần Việt Phương	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 11/09/2018
Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên	
Ông Vũ Đình Thủy	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Quân	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 11/09/2018

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng Ban
Bà Nghiêm Thị Thủy Tươi	Thành viên
Bà Trần Kim Oanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/09/2018
Ông Nguyễn Mạnh Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/09/2018
Ông Đặng Huy Khôi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;  
Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 05/05/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
  
Trần Việt Phương  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2019

Số: 29 /2019/UHY-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài

**Kinh gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày / /2019, từ trang 05 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)**

**Ý kiến Kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0933-2018-112-1  
 Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
 Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**Nguyễn Thị Thu Hà**  
 Kiểm toán viên  
 Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>139.767.709.427</b>	<b>121.907.752.356</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	64.869.752.653	61.702.926.574
Tiền	111		24.869.752.653	46.702.926.574
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.840.286.221	58.197.869.579
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	49.789.037.193	46.054.461.360
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	9.782.680.807	5.872.542.888
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.268.568.221	6.270.865.331
Hàng tồn kho	140	8	6.966.666.963	8.961.144.809
Hàng tồn kho	141		6.966.666.963	8.961.144.809
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.091.003.590	3.045.811.395
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.437.996.271	3.045.811.395
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	653.007.319	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>201.853.275.419</b>	<b>208.449.117.604</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.839.617.641	1.212.472.043
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	1.412.487.563	1.394.607.563
Phải thu dài hạn khác	216	7	997.846.078	388.580.480
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(570.716.000)	(570.716.000)
Tài sản cố định	220		98.463.371.545	106.307.358.661
Tài sản cố định hữu hình	221	10	95.949.976.486	103.184.323.380
- Nguyên giá	222		217.493.882.529	205.680.038.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.543.906.043)	(102.495.714.689)
Tài sản cố định vô hình	227	11	2.513.395.059	3.123.035.281
- Nguyên giá	228		6.823.638.232	6.483.138.323
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.310.243.173)	(3.360.103.042)
Tài sản dở dang dài hạn	240		488.748.600	1.715.886.353
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	488.748.600	1.715.886.353
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	97.363.349.189	97.580.945.104
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		668.659.189	886.255.104
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		96.694.690.000	96.694.690.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.698.188.444	1.632.455.443
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.698.188.444	1.632.455.443
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>341.620.984.846</b>	<b>330.356.869.960</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>136.513.382.471</b>	<b>129.002.043.636</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.934.886.422</b>	<b>93.266.562.114</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	39.058.417.243	47.749.641.460
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		111.381.692	28.861.497
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.252.691.450	1.454.990.215
Phải trả người lao động	314		25.424.038.042	18.017.403.770
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.275.221.143	2.607.444.380
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.342.257.537	4.254.629.332
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	16.915.841.479	12.982.258.476
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.545.037.836	6.171.332.983
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.578.496.049</b>	<b>35.735.481.522</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.987.325.167	617.779.624
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	35.283.848.369	35.081.728.122
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	31	307.322.483	35.973.776
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>205.107.602.375</b>	<b>201.354.826.324</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>205.107.602.375</b>	<b>201.354.826.324</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.157.640.000	83.157.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.157.640.000	83.157.640.000
Cổ phiếu quỹ	415		(2.820.000)	(2.820.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.053.684.206	33.053.684.206
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.969.213.452	3.969.213.452
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.268.882.414	24.146.329.520
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.441.350.968	1.504.404.968
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.827.531.446	22.641.924.552
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		56.661.002.303	57.030.779.146
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>341.620.984.846</b>	<b>330.356.869.960</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Bùi Thị Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Hương

Tổng Giám đốc

Trần Việt Phương

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

7

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	673.828.369.041	526.378.540.857
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	737.075.014	725.907.701
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>573.091.294.027</b>	<b>525.652.633.156</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	314.154.424.165	299.067.825.841
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>258.936.869.862</b>	<b>226.584.807.315</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	18.071.954.907	19.739.354.429
Chi phí tài chính	22	25	7.066.263.961	11.297.468.452
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.035.657.554	9.993.784.288
Lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		217.595.915	174.916.863
Chi phí bán hàng	25	26	182.113.076.931	169.323.873.573
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	57.856.057.139	44.121.365.754
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>29.755.830.823</b>	<b>21.406.527.102</b>
Thu nhập khác	31	28	274.636.625	294.766.090
Chi phí khác	32	29	597.897.434	162.916.416
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(323.260.809)</b>	<b>131.849.674</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>29.432.570.014</b>	<b>21.538.376.776</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.703.466.704	1.023.033.531
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		271.348.708	35.973.776
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>26.457.754.602</b>	<b>20.479.369.469</b>
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		26.827.531.446	22.641.924.552
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(369.776.844)	(2.162.555.083)
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>3.226</b>	<b>2.338</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Bùi Thị Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Hương

Tổng Giám đốc

Trần Việt Phương

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

8



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		29.432.570.014	21.538.376.776
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	02		22.049.486.513	22.713.175.772
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		76.014.017	93.749.130
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(17.670.342.379)	(19.502.655.258)
Chi phí lãi vay	06		6.035.657.554	9.993.784.288
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		39.923.385.719	34.836.430.708
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(445.698.873)	6.790.712.128
(Giảm)/Tăng hàng tồn kho	10		1.994.477.846	(754.974.296)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.551.916.340	(8.833.652.847)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(1.457.917.877)	3.381.822.119
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.036.038.304)	(12.176.697.946)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.843.446.772)	(285.431.939)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	138.943.088
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.205.665.099)	(4.109.004.737)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		29.481.012.979	18.988.146.278
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.030.410.178)	(8.253.210.863)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		313.727.273	132.240.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	15.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		17.553.392.254	19.678.445.556
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(1.163.290.651)	26.557.474.693

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

9

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		31.884.414.690	13.661.973.313
Tiền trả nợ gốc vay	34		(27.748.711.410)	(77.705.537.876)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.290.410.536)	(27.000.636.293)
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37		-	35.260.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(15.154.707.256)	(55.764.200.856)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		13.163.015.073	(10.218.579.885)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	4	51.702.926.574	61.935.607.721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.811.007	(14.101.262)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	4	64.869.752.653	51.702.926.574

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bùi Thị Hào

Trần Thị Lan Hương

Trần Việt Phương

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

10



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, tên viết tắt là NASCO (sau đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Công ty Dịch vụ Hàng không Nội Bài được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài theo Quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 11 lần, lần gần đây nhất vào ngày 14/09/2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 14/09/2018, Công ty có vốn điều lệ là 83.157.640.000 VND, tương đương 8.315.764 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP sở hữu 51%.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Ngày 16/01/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 36/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NAS;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 8.315.764 cổ phiếu (Tám triệu ba trăm mười lăm nghìn bảy trăm sáu mươi tư cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 83.157.640.000 đồng (Tám mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm: Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay; Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố; Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập cảnh; Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết bao gồm: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bao gồm: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu đúng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết là vận tải hành khách bằng taxi;
- Bốc xếp hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Vận chuyển hàng hóa	49,12%	51%	49,12%
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Taxi Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Vận tải hành khách	16%	36%	16%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hà Nội; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hải Phòng.

**1.7 NHÂN VIÊN**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty mẹ và Công ty con có 876 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 886 nhân viên).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**2.2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

**2.3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Các giao dịch và số dư giữa công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Danh sách Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính bao gồm:

Đơn vị	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	117.500.000.000	51%	49,12%	49,12%

**2.4. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác**

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**3.5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)**

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh đối với hàng kinh doanh miễn thuế và bình quân gia quyền tháng đối với hàng tồn kho khác và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn hơn 7 triệu đồng được phân bổ trong 2 năm;
- Chi phí trả trước khác phân bổ theo thời hạn trên từng thời hạn Hợp đồng.

Đối với công cụ, dụng cụ có giá trị dưới 7 triệu đồng được ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong năm khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải	04 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- TSCĐ khác	04 - 06

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Phần mềm bán hàng và phần mềm kế toán***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (từ 4 đến 5 năm).

Khi thanh lý tài sản cố định vô hình, chênh lệch giữa tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**3.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại ngày 31/12/2018.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty quyết định hoặc thông báo trả cổ tức cho các cổ đông.

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Lãi tiền gửi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

**3.16 NGOẠI TỆ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng ký hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**3.18 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.18 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các bộ phận quản lý theo lĩnh vực kinh doanh.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.294.570.808	1.238.778.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.575.181.845	45.464.148.451
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	5.000.000.000
	<b>64.869.752.653</b>	<b>51.702.926.574</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn bên liên quan</b>	<b>21.366.188.602</b>	<b>23.186.763.092</b>
+ Trung tâm Khai thác Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	19.424.948.793	21.518.255.929
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	771.090.217	-
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	-	100.595.001
+ Công ty Cổ phần Suất an Hàng không Nội Bài	617.292.710	502.549.610
+ Báo Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	252.972.650	-
+ Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Bắc	31.388.097	76.132.897
+ Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	26.587.680	62.535.000
+ Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam khu vực Miền Bắc	57.835.192	57.073.557
+ Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty Bay dịch vụ Hàng không	184.073.063	869.621.098
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</b>	<b>28.422.848.591</b>	<b>22.867.698.268</b>
+ Công ty CP Hàng không Vietjet	220.000.000	223.696.000
+ Công ty TNHH Nhà hàng Món Huế	2.665.611.718	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	984.873.349	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền thông số	1.064.745.002	1.526.205.000
+ Hãng Hàng không Lào	314.297.095	320.194.125
+ Hãng Hàng không Silk Air	242.994.950	365.642.725
+ Văn phòng bán vé Hãng Hàng không Singapore Airlines	933.862.050	619.513.058
+ Hãng hàng không Malaysia	209.031.350	184.782.000
+ Công ty TNHH Hanaro TNS Việt Nam	1.521.340.000	1.266.317.500
+ Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Đại Sơn	710.416.523	1.587.755.918
+ Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	1.695.185.186	1.805.749.650
+ Tổng Công ty chuyển phát nhanh Bưu điện	850.605.305	-
+ Các khách hàng khác	17.009.686.053	14.947.842.292
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>1.412.487.563</b>	<b>1.394.607.563</b>
+ Công ty Cổ phần Hàng không Indochina (*)	570.716.000	570.716.000
+ Các khách hàng khác	841.771.563	823.891.563
<b>Cộng</b>	<b>51.201.524.756</b>	<b>47.449.068.923</b>

(\*) Khoản phải thu dài hạn của Công ty Cổ phần Hàng không Indochina đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tỷ lệ 100%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trả trước cho bên thứ ba	9.749.593.307	5.872.542.888
Công ty TNHH Digital Systems	948.720.000	720.000.000
COBUS INDUSTRIES GMBH	5.294.800.000	-
Các đối tượng khác	3.506.073.307	5.152.542.888
Trả trước cho các bên liên quan	33.087.500	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	33.087.500	-
	<b>9.782.680.807</b>	<b>5.872.542.888</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	2.336.733.039	-	2.886.525.368	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	815.083.000	-	814.943.000	-
- Phải thu khác	2.316.752.182	-	2.569.396.963	-
+ Tạm tính lãi tiền gửi	318.520.548	-	11.333.339	-
+ Phải thu cán bộ Công nhân viên	-	-	617.826.124	-
+ Công ty Cổ phần Taxi Nasco	-	-	8.209.999	-
+ Phải thu khác	1.998.231.634	-	1.732.027.501	-
<b>Cộng</b>	<b>5.268.568.221</b>	<b>-</b>	<b>6.270.865.331</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
- Kỳ cược, kỳ quỹ	997.846.078	-	388.580.480	-
<b>Cộng</b>	<b>997.846.078</b>	<b>-</b>	<b>388.580.480</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.574.381.015	-	1.873.737.870	-
Công cụ, dụng cụ	502.078.757	-	521.702.587	-
Hàng hóa	1.100.533.803	-	4.344.112.969	-
Hàng gửi bán	2.789.673.388	-	2.221.591.363	-
	<b>6.966.666.963</b>	<b>-</b>	<b>8.961.144.809</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại ngày 01/01/2018	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Tại ngày 31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.045.811.395</b>	<b>8.484.740.843</b>	<b>9.092.555.967</b>	<b>2.437.996.271</b>
- Chi phí thuê mặt bằng	493.811.677	2.421.196.190	2.278.529.507	636.278.360
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.729.595.288	1.663.474.535	2.423.507.634	969.562.189
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	822.604.430	4.400.070.118	4.390.518.826	832.155.722
<b>Dài hạn</b>	<b>1.632.455.443</b>	<b>5.567.621.244</b>	<b>3.501.888.243</b>	<b>3.698.188.444</b>
- Chi phí thuê mặt bằng	30.000.000	462.450.636	492.450.636	-
- Thiết bị, CCDC chờ phân bổ	1.592.523.658	4.293.845.369	2.931.966.843	2.954.402.204
- Chi phí trả trước dài hạn khác	9.931.785	811.325.219	77.470.764	743.786.240
<b>Cộng</b>	<b>4.678.266.838</b>	<b>14.052.362.087</b>	<b>12.594.444.210</b>	<b>6.136.184.715</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2018	63.661.573.368	17.012.389.403	82.687.460.338	956.389.781	11.320.195.179	236.680.038.069
- Mua trong kỳ	-	1.928.782.547	5.580.845.637	52.636.364	-	7.962.204.548
- Đầu tư XDDB hoàn thành	656.807.100	-	-	-	5.894.113.652	6.550.920.812
- Thanh lý, nhượng bán	-	(745.449.243)	(1.550.891.857)	-	-	(2.296.340.900)
<b>31/12/2018</b>	<b>64.318.380.528</b>	<b>18.192.722.707</b>	<b>86.717.444.318</b>	<b>1.061.026.145</b>	<b>17.214.308.831</b>	<b>217.493.892.529</b>
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
01/01/2018	27.382.782.068	16.012.222.892	54.637.810.386	582.993.818	3.869.905.525	102.495.714.689
- Khấu hao trong kỳ	6.602.213.662	3.078.250.602	7.823.424.042	387.779.877	1.209.078.110	20.800.746.382
- Thanh lý, nhượng bán	-	(327.515.910)	(1.525.039.118)	-	-	(1.862.555.028)
<b>31/12/2018</b>	<b>36.984.995.730</b>	<b>18.762.957.674</b>	<b>60.736.195.310</b>	<b>970.773.695</b>	<b>5.078.983.635</b>	<b>121.643.906.043</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2018	66.268.791.380	1.000.166.511	28.049.679.952	415.395.963	7.460.289.654	103.184.323.380
<b>31/12/2018</b>	<b>68.323.384.799</b>	<b>(570.234.967)</b>	<b>25.961.249.008</b>	<b>80.252.450</b>	<b>12.135.325.196</b>	<b>95.549.978.486</b>

Tại ngày 31/12/2018, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 51.156.531.964 đồng.

25

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2018	6.483.138.323	6.483.138.323
- Mua trong năm	430.000.000	430.000.000
- Nâng cấp	109.099.909	109.099.909
- Thanh lý, nhượng bán	(198.600.000)	(198.600.000)
<b>31/12/2018</b>	<b>6.823.638.232</b>	<b>6.823.638.232</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>		
01/01/2018	3.360.103.042	3.360.103.042
- Khấu hao trong năm	1.148.740.131	1.148.740.131
- Thanh lý, nhượng bán	(198.600.000)	(198.600.000)
<b>31/12/2018</b>	<b>4.310.243.173</b>	<b>4.310.243.173</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2018	3.123.035.281	3.123.035.281
<b>31/12/2018</b>	<b>2.513.395.059</b>	<b>2.513.395.059</b>

Tại ngày 31/12/2018, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.578.210.554 đồng.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	488.748.600	488.748.600	1.715.886.353	1.715.886.353
+ Nội thất trụ sở công ty	-	-	401.847.817	401.847.817
+ Phòng C ga T1	112.172.726	112.172.726	-	-
+ Đơn nguyên 2	-	-	-	-
+ Hệ thống phòng cháy	-	-	627.000.000	527.000.000
+ Sửa chữa nhà văn phòng tại 70 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-	310.462.662	310.462.662
+ Phần mềm quản lý kinh doanh chuyển phát nhanh hàng hóa - Nasco Express	376.575.874	376.575.874	376.575.874	376.575.874
<b>Cộng</b>	<b>488.748.600</b>	<b>488.748.600</b>	<b>1.715.886.353</b>	<b>1.715.886.353</b>

26



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết</b>	<b>668.659.189</b>		<b>686.255.104</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam (1)	668.659.189	(*)	686.255.104	(*)
<b>Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>	<b>96.694.690.000</b>	<b>130.859.668.400</b>	<b>96.694.690.000</b>	<b>207.986.456.200</b>
Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (2)	90.000.000.000	(*)	90.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS) (**)	6.694.690.000	130.859.668.400	6.694.690.000	207.986.456.200
	<b>97.363.349.189</b>	<b>130.859.668.400</b>	<b>97.580.945.104</b>	<b>207.986.456.200</b>

(\*) Đối với các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam và Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh, Công ty không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

(\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này tại sàn HOSE tại ngày 28/9/2018 và tại ngày 29/12/2017.

(1) Công ty đầu tư vào Công ty liên kết chiếm tỷ lệ quyền biểu quyết 36% tương đương với số tiền: 3.780.000.000 VND (trong đó cam kết góp vốn bằng tài sản là 1.280.000.000 VND và tài sản khác (thương hiệu) là 2.500.000.000 VND). Tuy nhiên, tỷ lệ vốn thực góp tại 31/12/2018 là 16%.

(2) Đây là khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco vào Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh chiếm tỷ lệ sở hữu 15%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>2.688.349.402</b>	<b>2.688.349.402</b>	<b>4.066.909.130</b>	<b>4.066.909.130</b>
+ Công ty Cổ phần In Hàng không	92.400.000	92.400.000	129.784.000	129.784.000
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	1.307.332.412	1.307.332.412	845.229.933	845.229.933
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - CN Khu vực miền Bắc	698.516.306	698.516.306	1.637.944.026	1.637.944.026
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	98.452.480	98.452.480	119.986.800	119.986.800
+ Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific	-	-	73.386.000	73.386.000
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP Khu vực miền Nam	424.112.324	424.112.324	1.107.609.637	1.107.609.637
+ Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không VN - Khu vực Miền Trung	-	-	133.373.253	133.373.253
+ Công ty TNHH MTV Mặt đất sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	7.535.880	7.535.880	19.595.481	19.595.481
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>36.380.067.841</b>	<b>36.380.067.841</b>	<b>43.682.732.330</b>	<b>43.682.732.330</b>
+ Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	788.213.758	788.213.758	4.031.666.891	4.031.666.891
+ Công ty TNHH EDF Việt Nam	6.165.312.512	6.165.312.512	11.191.077.016	11.191.077.016
+ Công ty TNHH DFS Việt Nam	5.166.892.637	5.166.892.637	6.479.172.573	6.479.172.573
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Đức	1.362.557.775	1.362.557.775	1.056.696.280	1.056.696.280
+ Công ty CP Thương mại Dịch vụ chế biến nông sản thực phẩm Việt Nam	1.443.278.303	1.443.278.303	1.168.205.940	1.168.205.940
+ Công ty CP kiến trúc và xây dựng Vinalight	1.893.084.138	1.893.084.138	-	-
+ Công ty TNHH MTV Việt Thành	854.087.314	854.087.314	-	-
+ Công ty TNHH Quốc Minh	976.990.300	976.990.300	-	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	17.741.651.104	17.741.651.104	19.757.913.630	19.757.913.630
	<b>39.068.417.243</b>	<b>39.068.417.243</b>	<b>47.749.641.468</b>	<b>47.749.641.468</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>1.454.990.215</b>	<b>21.113.598.475</b>	<b>20.315.897.240</b>	<b>2.252.891.450</b>
- Thuế giá trị gia tăng	780.878.916	10.005.696.553	14.902.608.035	1.973.967.414
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	486.972.749	2.586.496.944	3.063.409.693	-
- Thuế thu nhập cá nhân	187.138.550	1.708.777.312	1.617.191.826	278.724.036
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	613.851.191	613.851.191	-
- Các loại thuế khác	-	98.776.495	98.776.495	-
	<b>01/01/2018</b>	<b>Số phải thu/nộp thừa trong năm</b>	<b>Số đã thực thu/ khấu trừ trong năm</b>	<b>31/12/2018</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>-</b>	<b>653.007.319</b>	<b>-</b>	<b>653.007.319</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	653.007.319	-	653.007.319

29

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Phí nhượng quyền kinh doanh	377.234.910	650.693.593
- Chi phí thuê mặt bằng	246.132.330	245.560.606
- Chi phí vận chuyển COB	311.688.000	148.392.600
- Chi phí lãi vay	1.427.813	1.808.563
- Chi phí hoa hồng môi giới	543.845.028	572.735.581
- Chi phí thù lao hội đồng quản trị	256.500.000	342.000.000
- Chi phí khác	1.538.393.064	636.253.437
	<b>3.275.221.143</b>	<b>2.607.444.380</b>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.342.257.537</b>	<b>4.254.629.332</b>
- <b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>1.036.862.718</b>	<b>971.415.842</b>
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	578.919.044	743.720.980
+ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	457.943.674	227.694.862
- <b>Phải trả bên thứ ba</b>	<b>4.305.394.819</b>	<b>3.283.213.490</b>
+ Kinh phí công đoàn	318.434.881	332.291.524
+ Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.317.700.000	876.500.000
+ Phải trả Bảo hiểm	-	276.434.922
+ Công ty TNHH nước giải khát Pepsico Suntory Việt Nam	-	11.090.001
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.669.259.938	1.786.897.043
<b>Dài hạn</b>	<b>1.987.325.167</b>	<b>617.779.624</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.987.325.167	617.779.624
	<b>7.329.582.704</b>	<b>4.872.408.956</b>

30



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 01/01/2018		Trong kỳ		Tại ngày 31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>12.982.258.476</b>	<b>12.982.258.476</b>	<b>32.538.044.413</b>	<b>28.604.481.416</b>	<b>16.915.841.479</b>	<b>16.915.841.479</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	1.083.950.000	1.083.950.000	228.200.000	1.083.950.000	228.200.000	228.200.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	18.500.000.000	15.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - dài hạn đến hạn trả	-	-	1.077.920.000	-	1.077.920.000	1.077.920.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh - dài hạn đến hạn trả	11.898.308.476	11.898.308.476	12.731.924.413	12.520.511.410	12.109.721.479	12.109.721.479
<b>Vay dài hạn</b>	<b>35.081.728.122</b>	<b>35.081.728.122</b>	<b>14.240.164.690</b>	<b>14.038.044.413</b>	<b>35.283.848.399</b>	<b>35.283.848.399</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	-	-	895.750.000	228.200.000	627.550.000	627.550.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	5.390.000.000	1.700.180.000	3.689.820.000	3.689.820.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	35.081.728.122	35.081.728.122	7.994.414.690	12.109.664.413	30.966.478.399	30.966.478.399
<b>Cộng</b>	<b>48.063.986.598</b>	<b>48.063.986.598</b>	<b>46.778.209.103</b>	<b>42.642.505.823</b>	<b>52.199.689.878</b>	<b>52.199.689.878</b>

(\*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo:

- Hợp đồng tín dụng số 051217-4309576-01-SME ngày 28/12/2017 được ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với mục đích để đầu tư vào Công ty Cổ phần giao nhận hàng hóa Nasco. Hạn mức tín dụng là 18.500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ (9%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 010318-4309576-01-SME ngày 04/04/2018 được ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với mục đích hoàn tiền mua 02 xe ô tô 47 chỗ nhãn hiệu 3-2 AUTO UNIVERSE K47W. Hạn mức tín dụng là 4.390.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ.

31

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Hợp đồng tín dụng số 131217-4309576-01-SME ngày 06/02/2018 được ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với mục đích hoàn tiền mua 01 xe ô tô Camry 2.5G mới 100%. Hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ (8%/năm).

(\*\*) Khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo:

- Hợp đồng tín dụng số 03/2017/HDTDDA/NHCT144-NASCO ngày 24/02/2017 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh với mục đích để bổ sung vốn trung dài hạn thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây mới bổ sung tường rào, làm mới sân vườn, chiếu sáng và quang cảnh quanh trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài - NASCO. Hạn mức tín dụng là 3.411.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2016/HDTDDA/NHCT144-NASCO ngày 27/12/2016 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh với mục đích thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư mua hai thang tải khách mới 100% của tòa nhà đơn nguyên 2 Trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - NASCO. Hạn mức tín dụng là 2.392.600.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ (7,5%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 04/2017/HDTDDA/NHCT144-NASCO ngày 14/03/2017 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh với mục đích để bổ sung vốn trung dài hạn thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng trạm biến áp 800 KVA - 22/0,4KV tại khu đất trụ sở Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - NASCO. Hạn mức tín dụng là 1.583.400.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ.

- Hợp đồng tín dụng số 08/2015/HDTDDA/NHCT144-NASCO ngày 09/03/2015 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án và kế hoạch mua sắm 34 xe ô tô phục vụ đề án Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - NASCO tổ chức xe tuyến đưa đón cán bộ công nhân viên của các đơn vị thuộc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam tại khu vực Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 9.239.396.000 đồng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ (8,8%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 40/2014/HDTDDA/NHCT144-NASCO ngày 11/12/2014 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với mục đích để thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện Dự án đầu tư phòng khách hạng thương gia Quốc tế - tầng 4 - nhà ga T2 - Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - NASCO. Hạn mức tín dụng là 17.704.140.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ.

- Hợp đồng tín dụng số 44/2016/HDTDDA/NHCT144-NASCO ngày 24/06/2016 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư phòng chờ Bông sen vàng và phòng VIP Nasco, nhà ga T1, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - NASCO. Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ.

32



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐTDDA/NHCT144-NASCO ngày 13/01/2017 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư mua sắm 02 xe ô tô 46 chỗ mới 100% thay thế 02 xe ô tô hết niên hạn sử dụng vào cuối năm 2016 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - NASCO. Hạn mức tín dụng là 2.730.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ (9,6%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 51/2015/HĐTDDA/NHCT144-NASCO ngày 30/12/2015 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng đơn nguyên 2 và hợp khối đơn nguyên 1 - Trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài -NASCO. Hạn mức tín dụng là 21.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ (7%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 16/2018/HĐTDDA/NHCT144-NASCO ngày 12/06/2018 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư Xây dựng công trình các cửa hàng kinh doanh thương mại, dịch vụ tại nhà ga T1 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - NASCO. Hạn mức tín dụng là 5.772.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay tính theo ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Các nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay phát sinh theo từng Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bởi các tài sản được hình thành từ các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	83.187.640.000	(2.820.000)	33.053.884.206	3.969.213.452	33.116.239.623	23.879.133.348	163.292.957.281
- Lãi trong năm	-	-	-	-	32.841.524.552	(2.152.556.083)	30.479.369.469
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.777.994.200)	-	(26.777.994.200)
- Chia các quỹ	-	-	-	-	(5.498.639.872)	-	(5.498.639.872)
- Thường ban điều hành	-	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
- Vốn góp của Cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	-	-	-	-	-	35.280.000.000	35.280.000.000
- Tăng khác	-	-	-	-	(34.200.883)	34.200.883	-
31/12/2017	83.187.640.000	(2.820.000)	33.053.884.206	3.969.213.452	24.146.329.620	57.830.779.146	201.354.826.324
01/01/2018	83.187.640.000	(2.820.000)	33.053.884.206	3.969.213.452	24.146.329.620	57.830.779.146	201.354.826.324
- Lãi trong năm	-	-	-	-	26.827.531.446	(369.778.844)	26.457.752.602
- Thường ban điều hành (*)	-	-	-	-	(375.000.000)	-	(375.000.000)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(19.125.608.600)	-	(19.125.608.600)
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(3.204.369.951)	-	(3.204.369.951)
31/12/2018	83.187.640.000	(2.820.000)	33.053.884.206	3.969.213.452	28.288.882.414	56.961.502.303	205.167.602.375

(\*) Trong năm, Công ty thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2017 theo Nghị quyết số 66/NQ-NASCO/HĐCĐ ngày 20/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty (Cổ tức được chi trả theo tỷ lệ 23% vốn điều lệ).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Cổ đông				
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	42.411.600.000	51,00%	42.411.600.000	51,00%
Các cổ đông khác	40.746.040.000	49,00%	40.746.040.000	49,00%
	<b>83.157.640.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>100,00%</b>

Tại ngày 31/12/2018, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

**19.3 Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.315.764	8.315.764
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.315.764	8.315.764
+ Cổ phiếu phổ thông	8.315.764	8.315.764
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	282	282
+ Cổ phiếu phổ thông	282	282
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.315.482	8.315.482
+ Cổ phiếu phổ thông	8.315.482	8.315.482
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/12/2018	01/01/2018
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	22.340.354.494	44.948.190.133
+ Công ty TNHH DFS Việt Nam - Kho A	17.191.143.981	13.893.423.634
+ Công ty TNHH EDF Việt Nam - Kho B	17.205.954.113	21.739.153.925
+ Các Công ty khác	1.813.353.213	9.315.612.574
Ngoại tệ các loại (USD)	270.602,10	185.378,43
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	633.087.400	633.087.400

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu		
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển	208.836.824.627	185.285.532.819
+ Doanh thu bán hàng miễn thuế	102.524.793.776	107.350.035.663
+ Doanh thu bán hàng hóa	19.823.758.536	27.212.263.814
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	239.020.389.881	204.851.261.199
+ Doanh thu dịch vụ khác	3.822.602.221	1.679.447.362
	<b>573.828.369.041</b>	<b>526.378.540.857</b>

Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36)

**22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
+ Chiết khấu thương mại	737.075.014	725.907.701
<b>Cộng</b>	<b>737.075.014</b>	<b>725.907.701</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
+ Giá vốn dịch vụ vận chuyển	154.371.950.532	132.870.444.312
+ Giá vốn bán hàng miễn thuế	78.460.394.537	80.833.907.099
+ Giá vốn bán hàng hóa	7.305.208.898	13.419.917.111
+ Giá vốn dịch vụ nhà hàng, ăn uống	74.015.870.198	71.943.557.319
	<b>314.154.424.165</b>	<b>299.067.825.841</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
+ Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.427.893.735	1.051.788.895
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	16.448.841.000	18.276.490.000
+ Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	195.220.172	411.085.534
	<b>18.071.954.907</b>	<b>19.739.364.429</b>

(\*) Là khoản cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
+ Lãi tiền vay	6.035.657.554	9.993.784.288
+ Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	954.592.390	1.209.655.034
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	76.014.017	93.749.130
	<b>7.066.263.961</b>	<b>11.297.488.452</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	76.207.163.051	71.059.920.765
Chi phí nguyên vật liệu	4.419.435.792	4.914.147.776
Chi phí dụng cụ đồ dùng	4.165.019.517	6.652.967.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.845.279.302	10.013.372.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.457.070.539	57.580.328.728
Chi phí khác bằng tiền	22.019.108.730	19.103.136.103
	<b>182.113.076.931</b>	<b>169.323.873.573</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.463.630.485	16.708.539.335
Chi phí vật liệu văn phòng	73.840.482	216.221.397
Chi công cụ, dụng cụ	1.805.896.184	1.739.090.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.861.599.132	7.021.166.277
Thuế và các khoản lệ phí	3.305.278.505	1.424.615.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.914.877.502	5.491.163.279
Chi phí khác bằng tiền	18.430.934.849	11.520.569.491
	<b>57.856.057.139</b>	<b>44.121.365.754</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
+ Thu từ bán thanh lý TSCĐ	140.909.091	160.421.818
+ Thu từ bán thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	5.404.545	77.590.909
+ Thu từ hàng nhận tài trợ	120.962.160	-
+ Thu nhập khác	7.360.829	56.753.363
	<b>274.636.625</b>	<b>294.766.090</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
+ Chi phí phạt	186.270.300	-
+ Chi phí thanh lý TSCĐ	304.213.872	-
+ Chi phí thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	86.631.500
+ Chi phí khác	107.413.262	76.284.916
	<b>597.897.434</b>	<b>162.916.416</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.432.570.014	21.538.376.776
Cộng:	646.163.650	493.102.576
- Chi phí không được trừ	646.163.650	493.102.576
Thu nhập được miễn thuế	(16.448.841.000)	(18.276.490.000)
Thu nhập từ đầu tư góp vốn	(16.448.841.000)	(18.276.490.000)
Các khoản khác		
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	(356.985.821)	(2.296.867.465)
Chi phí khấu hao Tài sản góp vốn	(782.161.803)	(1.306.215.137)
Lỗ tại Công ty con	728.762.665	4.250.304.801
Lỗ tại Công ty liên kết	-	174.916.863
Thu nhập chịu thuế	13.217.507.705	4.577.128.414
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN trong năm	2.643.501.541	915.425.683
Thuế TNDN bổ sung theo Biên bản Kiểm toán nhà nước	-	107.607.848
Thuế TNDN bổ sung theo Biên bản thanh tra Bộ Tài Chính	59.965.163	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>2.703.466.704</b>	<b>1.023.033.531</b>

**31. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng đầu tư tài chính	724.489.730	609.573.383
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến tài sản cố định góp vốn	(417.167.247)	(573.599.507)
	<b>307.322.483</b>	<b>35.973.776</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	131.171.753.794	120.383.848.799
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.836.588.553	91.887.229.439
Chi công cụ, dụng cụ	6.818.577.321	9.023.054.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.049.488.513	22.713.175.772
Thuế, phí và lệ phí	3.597.799.461	1.720.841.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.473.357.959	142.313.206.919
Chi phí bằng tiền khác	64.715.600.097	42.488.963.805
	<b>475.663.163.698</b>	<b>430.328.321.069</b>
Mua hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33.2)	44.415.795.532	44.415.795.532

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.827.531.446	22.641.924.552
Lợi nhuận bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.827.531.446	22.641.924.552
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (*)	-	(3.204.369.951)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.315.482	8.315.482
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>3.226</b>	<b>2.338</b>

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(\*) Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa thực hiện trích theo kết quả kinh doanh. Trong năm 2018, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 86/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2017 nên chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 được tính lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN**  
 Năm 2018

Chi tiêu	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	Doanh thu bán hàng miễn thuế	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	Doanh thu dịch vụ khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>							
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	208.099.749.613	102.524.793.776	19.623.758.536	239.020.389.881	3.822.602.221	573.091.294.027	
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	57.298.030.766	102.524.793.776	19.623.758.536	239.020.389.881	3.822.602.221	422.289.575.180	
- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	150.801.718.847	-	-	-	-	150.801.718.847	
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	453.819.890	-	-	-	-	453.819.890	
2. Giá vốn hàng bán	154.371.950.532	78.460.394.537	7.306.208.890	74.015.870.198	-	314.156.424.155	
3. Khấu hao và Chi phí phân bổ	10.382.055.332	605.451.844	3.345.625.705	12.799.968.017	-	27.133.100.898	
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	7.999.238.002	605.451.844	3.345.625.705	12.799.968.017	-	24.750.281.629	
- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	2.382.819.330	-	-	-	-	2.382.819.330	
4. Lợi nhuận gộp	53.727.799.081	24.064.399.239	12.317.549.636	165.004.519.683	3.822.602.221	258.036.859.862	
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	26.827.531.446	
<b>TÀI SẢN</b>							
6. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-	15.124.529.096	
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	-	-	-	-	-	15.124.529.096	
- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	-	-	-	-	-	-	
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	-	-	<b>341.620.994.846</b>	
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>							
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	-	<b>138.513.382.471</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**  
Năm 2017

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND					
	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	Doanh thu bán hàng miễn thuế	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	Doanh thu dịch vụ khác	Cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>						
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	184.558.625.118	107.356.035.663	27.212.263.814	204.851.261.199	1.679.447.362	525.052.633.156
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	44.086.989.955	80.923.406.014	23.135.640.150	147.656.800.094	1.679.447.362	297.482.291.583
- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	81.075.321.311	-	-	-	-	81.075.321.311
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	285.933.013	-	-	-	389.662.389	675.595.402
3. Khấu hao và Chi phí phân bổ	18.030.511.321	1.811.779.398	2.119.682.946	9.774.256.757	1.381.943.759	31.736.230.421
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	16.448.207.109	1.811.779.398	2.119.682.946	9.774.256.757	1.381.943.759	31.535.669.969
- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	1.582.304.212	-	-	-	-	1.582.304.212
4. Lợi nhuận gộp	51.689.180.806	26.516.128.964	13.792.346.703	132.907.703.880	1.679.447.362	226.584.807.315
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	20.479.309.409
<b>TÀI SẢN</b>						
6. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-	467.362.726
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	-	-	-	-	-	434.635.456
- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	-	-	-	-	-	32.727.270
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	-	-	-	-	-	330.366.669.949
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	129.802.043.636

41

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
Giao dịch với các bên liên quan

Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
- Trung tâm khai thác Nội Bài - TCT Hàng không Việt Nam - CTCP	199.996.910.998	178.191.042.704
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	193.997.273	183.351.505
- Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	8.473.544.333	8.810.428.764
- Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	4.841.491.533	5.316.641.295
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	81.781.818
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - VP Khu vực miền Bắc	1.062.295.251	757.557.858
- Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	2.721.833.117	2.637.996.609
- Công ty TNHH Kỹ thuật máy bay	-	190.800.000
- Công ty Bay dịch vụ Hàng không	950.589.030	1.098.098.727
- CN Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Khu vực miền bắc	648.306.210	617.080.690
- Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	370.207.050	365.176.268
- Báo Hàng không Việt Nam	419.173.500	362.205.909
	<b>218.678.348.295</b>	<b>198.642.162.148</b>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	2.794.820.623	3.911.152.432
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam Khu vực miền Trung	1.032.439.476	2.977.831.286
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam Khu vực miền Nam	28.244.459.670	27.408.855.267
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	1.400.995.076	1.184.801.537
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam Khu vực Miền Bắc	25.003.904.646	19.852.370.243
- Công ty CP Tin học viễn thông hàng không	1.113.640.818	-
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	-	1.229.000.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	90.585.400	442.346.487
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	117.380.160	-
- Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines (JPA)	129.084.889	1.017.186.727
	<b>59.927.310.758</b>	<b>58.033.544.079</b>

42



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI  
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.321.895.667	1.428.856.961
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	633.040.000	718.407.000
- Thưởng Ban điều hành	375.000.000	300.000.000
	<b>3.329.935.667</b>	<b>2.447.263.961</b>
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
- Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	16.448.841.000	18.265.894.000
	<b>16.448.841.000</b>	<b>18.265.894.000</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 5 "Phải thu khách hàng"
- Thuyết minh số 13 "Đầu tư tài chính dài hạn"
- Thuyết minh số 14 "Phải trả người bán ngắn hạn"
- Thuyết minh số 17 "Phải trả khác"

**36. THÔNG TIN KHÁC**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Bùi Thị Hào

Kê toán trưởng

Trần Thị Lan Hương

Tổng Giám đốc



Trần Việt Phương